

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 133, Chúa Nhật 28.11.2010

MỤC LỤC

Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội (tiếp theo) ĐTC Gioan Phaolô 2

Tâm quan trọng của "LECTIO DIVINA" trong Tông Huấn «VERBUM DOMINI» Gia Đình Lectio Divina

Linh Mục Anrê Dũng Lạc Trần Cao Tường Đã về Nhà Cha Lm. Phạm Văn Tuệ

NGUY CƠ CỦA TIỀN BẠC ĐỐI VỚI NHIỀU GIÁO SĨ, TU SĨ NGÀY NAY Lm. PX. Ngô tôn Huân

Tử đạo và cường tín Lm. Joseph Việt, O.Carm.

NỖI LO SỢ KHÔNG TÊN Br. Huynhquảng

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA HÔN NHÂN (5) Lm Lê Văn Quảng
Psy.D.

Người tín hữu giáo dân, chứng nhân Phúc âm và thăng tiến con người Tiến sĩ Nguyễn Học Tập

Vài trở ngại và cách ứng phó trong việc cầu nguyện Lm. Phaolô-Micae Trần Minh Huy, PSS.

ĐỊA VỊ CỦA NGƯỜI CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH Lm. Minh Anh biên tập

HẠT NGẮN HẠT DÀI, ĐỎ HAY TRẮNG Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
M.D.

NGỤ NGÔN THỜI BẮN LOẠN (KỲ 16) Gioan Lê Quang Vinh

Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội (tiếp theo)

TÔNG HUẤN "GIÁO HỘI TẠI Á CHÂU" (ECCLESIA IN ASIA)

Nguồn: <http://www.simonhoadalat.com>

CHƯƠNG VI

PHỤC VỤ CHO SỰ THĂNG TIẾN CON NGƯỜI

Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội

(tiếp theo)

Giáo Dục

37. Trên khắp Á Châu, sự dẫn thân của Giáo Hội trong việc giáo dục thật rộng rãi và thấy được rõ ràng, và vì thế là một yếu tố chủ chốt nổi lên sự hiện diện của Giáo Hội giữa các dân tộc của lục địa. Trong nhiều quốc gia, các trường học công giáo giữ vai trò quan trọng trong việc rao giảng Tin Mừng, hội nhập đức tin vào văn hóa, dạy dỗ sự cởi mở và kính trọng, và cổ võ sự hiểu biết liên tôn. Các trường của Giáo Hội thường cung cấp các cơ hội giáo dục duy nhất cho các thiếu nữ, các dân tộc bộ lạc thiểu số, những trẻ em nhà quê nghèo và ít được ưu đãi. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng xác tín đến nhu cầu mở rộng và phát triển việc tông đồ giáo dục tại Á Châu, với một sự lưu tâm đặc biệt đến những người xấu số, hầu giúp họ có được chỗ đứng chính đáng, như một người công dân trọn vẹn trong xã hội (187). Như các nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận, điều đó có nghĩa là hệ thống giáo dục Công giáo phải hướng cách rõ nét hơn tới việc thăng tiến con người, tạo ra một môi trường cho các học sinh không chỉ nhận lấy những yếu tố giáo dục chính thức, nhưng tổng quát hơn, nhận lãnh một sự đào tạo nhân bản toàn vẹn, đặt nền tảng trên giáo huấn của Đức Kitô (188). Các trường Công giáo phải tiếp tục là những nơi mà đức tin có thể được trình bày và nhận lãnh cách tự do. Cũng vậy, các đại học Công giáo, ngoài việc theo đuổi sở trường học thuật mà chúng được nổi tiếng, cần phải giữ lấy một căn tính Kitô hữu rõ rệt, ngõ hầu trở nên men Kitô giáo trong các xã hội Á Châu (189).

Kiến Tạo Hoà Bình

38. Vào cuối thế kỷ XX, thế giới vẫn còn bị đe dọa bởi các vũ lực làm phát sinh những xung đột và chiến tranh, và Á Châu chắc chắn không thoát khỏi những điều đó. Giữa những vũ lực đó có sự bất bao dung và mọi thứ loại trừ - xã hội, văn hoá, chính trị, và cả tôn giáo nữa. Ngày qua ngày bạo lực mới ập xuống trên từng cá nhân và toàn thể dân chúng, và nền văn hoá sự chết được thiết lập bằng việc sử dụng bất chính bạo lực để giải quyết các căng thẳng. Trong hoàn cảnh xung đột khủng khiếp ấy tại nhiều nơi trên thế giới, Giáo Hội được mời gọi dẫn thân trong những nỗ lực quốc tế và liên tôn để mang lại hoà bình, công lý và hoà giải. Giáo Hội tiếp tục nhấn mạnh việc thương thuyết và không dùng quân sự để giải quyết các cuộc xung đột, và trông đợi ngày mà các nước sẽ từ bỏ chiến tranh như là một phương thế để đạt các yêu sách hay là phương tiện để giải quyết các khác biệt. Giáo Hội xác tín rằng chiến tranh gây nên nhiều vấn đề hơn là giải quyết chúng, rằng đối thoại là con đường đúng đắn và cao thượng duy nhất để đạt đến thoả thuận và hoà giải, và cái tài kiên nhẫn và khôn ngoan của việc kiến tạo hoà bình được Thiên Chúa chúc phúc cách riêng.

Điều đặc biệt lo lắng tại Á Châu là sự liên tục chạy đua vũ trang có sức tàn phá hàng loạt, đó là chi phí vô luân và phí phạm ngân sách quốc gia, ngân sách mà trong nhiều trường hợp không đủ thoả mãn các nhu cầu cơ bản của dân chúng. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng nói tới số lượng mìn bẫy to lớn tại Á Châu, gây tàn tật và giết chết hàng trăm ngàn kẻ vô tội, còn làm cản trở mảnh đất phì nhiêu có thể dùng để sản xuất lương thực (190). Đó là trách nhiệm của tất cả mọi người, nhất là những nhà lãnh đạo quốc gia, là hành động tích cực hơn nữa để giải giáp vũ khí. Thượng Hội Đồng kêu gọi ngưng sản xuất, bán và sử dụng vũ khí hạt nhân, hoá học và sinh học, và thúc giục những kẻ đặt mìn bẫy phải tiếp tay trong công tác phục hồi và sửa chữa (191). Trên hết mọi sự, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cầu xin Thiên Chúa, Đấng thấu suốt lương tâm mỗi người, đặt những tâm tình hoà bình trong con tim những kẻ bị cám dỗ đi theo những con đường bạo lực, ngõ hầu điều mơ thấy trong Kinh Thánh trở nên sự thật: "họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày, rèn giáo mác nên liềm nên hái. Dân này nước nọ sẽ không còn vùng kiếm đánh nhau và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến" (Is 2,4).

Thượng Hội Đồng đã nghe nhiều chứng từ liên can tới những đau khổ của dân Iraq, và về sự kiện là nhiều người dân Iraq, đặc biệt các trẻ em, đã chết vì thiếu thuốc men và những mặt hàng cơ bản do việc cấm vận tiếp diễn. Cùng với các Nghị Phụ của Thượng Hội Đồng, tôi muốn một lần nữa diễn tả sự liên đới của tôi với dân tộc Iraq và tôi đặc biệt gần gũi trong kinh nguyện và hy vọng, với các con cái nam nữ của Giáo Hội tại xứ này. Thượng Hội Đồng cầu xin Chúa soi sáng tâm trí của tất cả những người mang lấy trách nhiệm tìm kiếm một giải pháp chính đáng cho cuộc khủng hoảng, ngõ

hầu dân tộc đã bị thử thách cay đắng có thể thoát khỏi đau khổ và ưu phiền hơn nữa (192).

Toàn Cầu Hoá

39. Khi đề cập đến vấn đề thăng tiến con người tại Á Châu, các Nghị phụ Thượng Hội Đồng công nhận tầm quan trọng của quá trình toàn cầu hoá về mặt kinh tế. Tuy nhìn nhận nhiều kết quả tích cực của nó, các ngài cho thấy rằng việc toàn cầu hoá cũng đã gây thiệt hại cho kẻ nghèo (193), có khuynh hướng đẩy những nước nghèo ra bên lề những liên hệ kinh tế và chính trị quốc tế. Nhiều nước Á Châu không có khả năng giữ được nền kinh tế của riêng mình trong một nền kinh tế thị trường thế giới. Và có lẽ điều còn có ý nghĩa hơn, là cũng có khía cạnh toàn cầu hoá về *mặt văn hoá*, thực hiện được là nhờ những phương tiện truyền thông tân thời, mau chóng lôi kéo các xã hội Á Châu vào trong một nền văn hoá toàn cầu về chủ nghĩa tiêu thụ, nền văn hoá chủ trương tục hoá và duy vật. Kết quả là sự xói mòn gia đình truyền thống và các giá trị xã hội mà cho tới ngày nay vẫn nâng đỡ các dân tộc và các xã hội. Tất cả những sự việc đó cho thấy rõ rằng *những khía cạnh đạo đức và luân lý của việc toàn cầu hoá* cần được các nhà lãnh đạo quốc gia và những tổ chức liên can tới việc thăng tiến con người đề cập đến cách trực tiếp hơn.

Giáo Hội nhấn mạnh đến sự cần thiết của việc "toàn cầu hoá mà không loại trừ" (194). Cùng với các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, tôi kêu gọi các Giáo Hội địa phương khắp nơi, và cách riêng các Giáo Hội ở các nước Phương Tây, hành động để làm cho học thuyết xã hội của Giáo Hội có tác động thích đáng trong việc soạn thảo các quy tắc đạo đức và pháp lý, để điều hoà các thị trường tự do trên thế giới và các phương tiện truyền thông xã hội. Những nhà lãnh đạo và những nhà chuyên nghiệp Công giáo phải thúc giục các chính phủ, các cơ quan tài chính và thương mại, nhìn nhận và tôn trọng những quy tắc đó (195).

Nợ Nước Ngoài

40. Hơn nữa, trong việc tìm kiếm sự công bằng trong một thế giới bị các bất bình đẳng xã hội và kinh tế làm hư hỏng, Giáo Hội không thể không biết đến gánh nặng nợ nần mà các nước đang mở mang tại Á Châu mắc phải, với ảnh hưởng tác động trên hiện tại và tương lai. Trong nhiều trường hợp, những xứ này bị bắt buộc cắt giảm chi tiêu trong những nhu cầu cần thiết để sống như lương thực, sức khoẻ, nhà ở, giáo dục, ngõ hầu có thể trả các món nợ cho các cơ quan tài chánh quốc tế và ngân hàng. Điều này có nghĩa là nhiều người dân bị đặt vào trong những điều kiện sống gây nhức nhối đối với nhân phẩm con người. Tuy ý thức những phức tạp về mặt chuyên môn của vấn đề này, Thượng Hội Đồng nhìn nhận rằng sự việc đó là một thách nghiệm về khả năng của các dân tộc, các xã hội và các chính quyền có biết coi trọng con người và sự sống của hàng triệu con người hơn lợi lộc tài chánh và vật chất không (196).

Đại năm thánh 2000 gần tới, là một thời gian thuận tiện để các Hội Đồng Giám Mục thế giới, cách riêng ở tại những nước giàu có hơn, khuyến khích các cơ quan tài chánh thế giới và ngân hàng, khảo sát phương cách làm nhẹ bớt hoàn cảnh nợ nần quốc tế. Trong những phương cách hiển nhiên hơn, thấy có sự điều chỉnh lại nợ nần, với việc giảm phần đáng kể hoặc xoá nợ toàn bộ, xem đó như những dự án kinh doanh và đầu tư để giúp nền kinh tế của những nước nghèo hơn (197). Đồng thời các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng ngõ lời với các nước đang mắc nợ. Các ngài nhấn mạnh đến nhu cầu phát triển ý thức trách nhiệm quốc gia, nhắc họ nhớ tới tầm quan trọng của kế hoạch kinh tế lành mạnh, sự trong sáng và quản lý tốt, và mời gọi họ mở chiến dịch quyết liệt chống tham nhũng (198). Các Nghị Phụ kêu gọi các Kitô hữu Á Châu lên án mọi hình thức tham nhũng và biến thủ công quỹ, do những kẻ nắm quyền lực chính trị (199). Các công dân của những quốc gia đang mắc nợ thường là nạn nhân của sự lãng phí và vô hiệu năng tại quốc gia họ, trước khi trở nên nạn nhân của cuộc khủng hoảng nợ nần quốc tế.

Môi Trường

41. Khi mỗi quan tâm đến sự phát triển kinh tế và kỹ thuật không đi kèm theo mỗi quan tâm đến sự cân bằng của hệ thống sinh thái, quả đất chúng ta chắc chắn bị

hứng chịu những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, với những hậu quả tai hại cho con người. Sự thiếu kính trọng hiển nhiên đối với môi trường sẽ tiếp tục bao lâu mà quả đất và tiềm năng của nó bị coi như những đồ vật để sử dụng và tiêu dùng tức thời, bị thao túng bởi lòng ham muốn vô độ tìm lợi nhuận (200). Nhiệm vụ của các Kitô hữu và của tất cả những ai nhìn nhận Chúa là Đấng Sáng Tạo, là bảo vệ môi trường, bằng cách phục hồi một cảm thức tôn kính đối với toàn thể thọ tạo của Thiên Chúa. Ý muốn Đấng Tạo Hoá là con người đối đãi với thiên nhiên không như một nhà khai thác tàn nhẫn, nhưng như một nhà quản trị tài trí và có trách nhiệm (201). Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng này xin cách đặc biệt những nhà lãnh đạo quốc gia, những nhà làm luật, những nhà kinh doanh và tất cả những ai dẫn thân trực tiếp trong việc quản trị tài nguyên của trái đất hãy có một tinh thần trách nhiệm lớn hơn (202). Các ngài nhấn mạnh đến sự cần thiết phải giáo dục dân chúng, cách riêng giới trẻ, có tinh thần trách nhiệm đối với môi trường, bằng cách huấn luyện họ cách thức quản trị thọ tạo mà Thiên Chúa đã giao phó cho nhân loại. Việc bảo vệ môi trường không chỉ là một vấn đề *kỹ thuật*, nó cũng là và hơn hết là một vấn đề *đạo đức*. Mọi người đều có bốn phận luân lý phải chăm lo môi trường, không những vì lợi ích cho riêng mình, nhưng cũng vì lợi ích cho các thế hệ mai sau.

Để kết luận, cũng nên nhắc lại rằng, khi kêu gọi các Kitô hữu hành động và hy sinh chính mình để phục vụ việc phát triển con người, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã qui chiếu về một vài giá trị nền tảng của truyền thống Kinh Thánh và Giáo Hội. Dân Israen xưa kia nhấn mạnh đến mối ràng buộc không thể phân rẽ giữa việc thờ phượng Chúa và chăm sóc người yếu đuối, điển hình trong Kinh Thánh là "người goá bụa, người ngoại kiều, và kẻ mồ côi" (x. Xh 22,21-22; Đnl 10:18; 27,19), là những người trong các xã hội thời đó, dễ bị đối xử bất công. Nhiều lần trong các sách Ngôn Sứ, chúng ta nghe tiếng kêu gào đến công lý, đến sự tổ chức đúng đắn xã hội con người, mà không có những thứ đó thì không thể có sự thờ phượng Chúa đích thực (x. Is 1,10-17; Am 5,21-24). Trong lời mời gọi của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, chúng ta nghe tiếng vang của các vị ngôn sứ đầy Thần Khí Thiên Chúa, Đấng muốn "lòng thương xót chứ không cần nghi lễ" (Hs 6,6). Đức Giêsu lấy những lời đó làm của mình (x. Mt 9,13), và các thánh trong mọi thời và mọi nơi cũng làm như vậy. Hãy suy nghĩ những lời nói của thánh Gioan Kim Khẩu: "Anh có muốn tôn vinh thân thể Đức Kitô không? Vậy thì đừng phớt lờ Người khi Người trần truồng. Đừng tôn vinh Người trong đền thờ bằng hàng nhung lụa, mà lại để Người ở bên ngoài lạnh cóng và trần truồng. Đấng đã nói: "Đây là mình Ta", cũng là Đấng đã nói, "Anh thấy Ta đói mà không cho Ta ăn". Ích gì nếu Bàn Tiệc Thánh Thế đầy chén thánh bằng vàng, khi Đức Kitô đang chết đói? Anh hãy khởi sự thoả mãn cơn đói của Người, rồi với cái gì còn lại, anh hãy lấy đó mà trang hoàng bàn thờ cũng được" (203). Trong lời mời gọi của Thượng Hội Đồng về việc phát triển con người và thực thi công bình trong các tương quan nhân loại, chúng ta nghe một tiếng nói vừa cũ vừa mới. Cũ vì nó xuất phát từ bề sâu của truyền thống Kitô giáo, mong có sự hoà hợp sâu xa mà Đấng Tạo Hoá muốn; còn mới, vì nó nói về hoàn cảnh hiện thời của vô số dân tộc tại Á Châu ngày hôm nay.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Tâm quan trọng của "LECTIO DIVINA" trong Tông Huấn «VERBUM DOMINI»

Một số Độc giả thắc mắc về Gia Đình Lectio Divina, chúng con xin trả lời văn tắt:

"Lectio divina" là tiếng La tinh, nghĩa (đen) đơn giản là "đọc sách thiêng liêng", hay nói đúng hơn là Đọc Sách Kinh Thánh vì Sách chúng ta đọc không là gì khác ngoài Sách Kinh Thánh. Nhưng không chỉ đọc suông mà dùng Lời Chúa để đi vào cầu nguyện. Đây là một truyền thống lâu đời và cốt lõi của Giáo Hội, đặc biệt trong các đan viện. Trong thực hành thì Lectio divina đã trở nên một gia tài vô cùng phong phú cho Giáo Hội, thậm chí người ta cảm thấy không thể dịch đầy đủ ý nghĩa của hạn từ này, nên cần phải gọi bằng tên gốc đã có tính cách quốc tế "Lectio divina". Tuy nhiên, có vài cách gọi dễ nhớ và khá chuẩn mực bằng tiếng Việt như: "Cầu nguyện với Lời Chúa" hoặc **"Cầu nguyện dưới tác động của Lời Chúa"**,

nghĩa thứ 2 vừa nêu được GĐLD chọn. Như vậy tóm tắt công việc Lectio divina là **"đọc một đoạn Lời Chúa, lắng nghe Chúa nói, và cầu nguyện với Chúa"**

"Gia Đình Lectio Divina" là một sáng kiến do Đan Viện Xitô Mỹ Ca (Nha Trang) vừa cố gắng xây dựng nên, với thực tế là "vừa học, vừa làm, vừa cố vũ cho mọi người cùng nhau thực hành Lectio divina hằng ngày trong đời sống Kitô hữu", với trọn niềm tin như lời ĐGH Biển Đức XVI, ngày 16.09.2005: **"Việc thực hành Lectio Divina, nếu được làm cách hữu hiệu, sẽ đem lại cho Hội Thánh một mùa xuân thiêng liêng mới mẻ, tôi đoan chắc như thế"**.

Nói cách khác, đây chỉ là một gia đình ảo (qua email) nhưng lại hết sức thật trong tình yêu thương tuyệt vời của Thiên Chúa chúng ta. **Trong gia đình này, chúng ta không cần làm gì cả, ngoại trừ hằng ngày cùng nhau trung thành cầu nguyện với Lời Chúa.** Chúng ta xin mượn phương tiện truyền thông hiện đại này để giúp nhau thực hiện. GĐLD sẽ thường xuyên cung cấp tài liệu và sẵn lòng giúp giải đáp mọi thắc mắc.

Nếu Quý vị muốn gia nhập Gia Đình Lectio Divina, xin vui lòng gửi email ghi danh tại lecdiv@gmail.com. Mọi thắc mắc liên quan tới thực hành Lectio divina, quý vị có thể email về địa chỉ lecdiv@gmail.com hoặc trực tiếp với cha Bảo Tịnh, Ocist: revbao@gmail.com

Xin chân thành cảm ơn.
Gia Đình Lectio Divina

TẦM QUAN TRỌNG CỦA "LECTIO DIVINA" TRONG TÔNG HUẤN « VERBUM DOMINI »

Nguồn: <http://xuanbichvietnam.wordpress.com/2010/11/13/tam-quan-trong-cua-lectio-divina/>

XBVN – Ngày 11-11-2010, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã cho công bố Tông huấn **"Verbum Domini"** ("Lời Chúa"), hoa trái của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Lời Chúa vào năm 2008. Tông huấn này diễn tả mối ưu tư của Đức Thánh Cha đối với tầm quan trọng và tính cấp bách của việc tái khám phá Lời Chúa như là trung tâm của đời sống của Giáo Hội, của mọi thành phần dân Chúa (x. các số 77- 85).

Nói với các thừa tác vụ chức thánh (Giám mục, linh mục, phó tế), Tông huấn khẳng định: "Lời Thiên Chúa không thể thiếu đối với việc đào tạo tâm hồn của một Mục tử tốt lành, Thừa tác viên của Lời Chúa". Các giám mục, linh mục, phó tế, trong bất cứ cách nào, không thể nghĩ sống ơn gọi và sứ mạng của mình mà không có sự dẫn thân nên thánh cương quyết và đổi mới, tìm thấy một trong những trụ cột của nó trong sự tiếp xúc với Thánh Kinh." (số 78).

Với các giám mục

Đối với các giám mục, Tông huấn nhắc nhở rằng "để nuôi dưỡng và tiến bộ trong đời sống thiêng liêng của mình, Giám mục phải luôn đặt "ở vị trí hàng đầu việc đọc và suy niệm Lời Chúa..." (số 79). Và "trước khi là một người rao truyền Lời Chúa, Giám mục, cùng với các linh mục của mình và cũng như mọi tín hữu...phải là một người lắng nghe Lời Chúa. Giám mục phải là như "ở trong" Lời Chúa, để để mình được hướng dẫn và nuôi dưỡng bởi Lời Chúa, như ở trong dạ mẹ" (số 78). Đức Thánh Cha khuyên "các anh em của tôi trong hàng giám mục đọc cá nhân thường xuyên và nghiên cứu đều đặn Thánh Kinh".

Với các linh mục

Với các linh mục, Đức Thánh Cha nhắc lại rằng « linh mục trước hết là Thừa tác viên của Lời Chúa...Chính vì thế, chính linh mục trước hết phải thủ đắc một sự thân mật sâu xa với Lời Chúa. Việc biết khía cạnh ngôn ngữ hay chú giải mà thôi thì không đủ, dù là cần thiết », nhưng còn phải đón nhận Lời Chúa với một tâm hồn ngoan ngoãn và cầu nguyện, để Lời Chúa thấm nhập vào trong tư tưởng và tình cảm của mình và nảy sinh nơi mình một tinh thần mới, « tư tưởng của Chúa Kitô » (1Cor 2, 16) ».

Với các phó tế

Đối với linh đạo đặc thù này, được trình bày chủ yếu như là « linh đạo phục vụ » bén rễ sâu nơi Chúa Kitô, Đức Thánh Cha cho thấy « một yếu tố đặc điểm của linh đạo phó tế là Lời Chúa, mà phó tế được kêu gọi trở nên người loan báo có thẩm quyền, bằng cách tin điều mình công bố, dạy điều mình tin, sống điều mình dạy ». Bởi thế, Đức Thánh Cha khuyên các phó tế « nuôi dưỡng cuộc sống của mình bằng việc tin tưởng đọc Thánh Kinh với việc học hỏi và cầu nguyện » (số 81).

Với các ứng viên chức thánh

Tông huấn « đã dành một chỗ quan trọng đặc biệt cho vai trò quyết định của Lời Chúa trong đời sống thiêng liêng của các ứng viên linh mục : « Các ứng viên linh mục phải học yêu mến Lời Chúa. Thánh Kinh do đó phải là linh hồn của việc đào tạo thần học của họ, bằng cách nhấn mạnh tính tuần hoàn không thể thiếu giữa khoa chú giải, thần học, linh đạo và sứ vụ ». Các chủng sinh cũng được kêu gọi có một « tương quan cá nhân sâu xa với Lời Chúa, đặc biệt trong *Lectio divina*, để chính ơn gọi của họ được nuôi dưỡng bởi tương quan này : chính trong ánh sáng và sức mạnh của Lời Chúa mà mỗi người có thể khám phá, hiểu, yêu mến và bước theo ơn gọi riêng của mình và thực hiện sứ vụ, làm lớn lên trong tâm hồn mình những tư tưởng của Thiên Chúa, đến độ đức tin, như là lời đáp trả lại Lời Chúa, trở nên tiêu chí mới mẻ phán đoán và đánh giá con người và sự vật, các biến cố và các vấn đề » (số 82).

Tuy nhiên, Tông huấn cũng nhắc nhở rằng « Sự chú ý đến việc đọc cầu nguyện Thánh Kinh (tức *Lectio divina*) không được bằng bất cứ cách nào nuôi dưỡng cho việc chế độ đối với việc nghiên cứu chú giải được đòi hỏi vào thời gian đào tạo. Thượng Hội Đồng đã khuyên nhủ rằng các chủng sinh cần được trợ giúp cách cụ thể để thấy *mối tương quan giữa việc nghiên cứu Thánh Kinh và cầu nguyện với Thánh Kinh*. Nghiên cứu Thánh Kinh phải làm cho ý thức hơn về Mầu Nhiệm Mạc Khải của Thiên Chúa và nuôi dưỡng một thái độ đáp trả cầu nguyện với Chúa, Đấng đang nói. Cũng thế, một đời sống cầu nguyện đích thực chỉ sẽ có thể làm cho lớn lên trong tâm hồn của ứng viên ước muốn được biết luôn hơn nữa vị Thiên Chúa đã tỏ mình ra trong Lời của Ngài như là tình yêu vô tận. Bởi thế, sẽ phải mang lại sự chăm lo chu đáo nhất cho việc vun trồng trong đời sống của các chủng sinh *tính hỗ tương giữa việc học hỏi và cầu nguyện này*. Theo mục đích này, các ứng viên cần phải được khai dẫn vào một việc học hỏi Thánh Kinh bằng những phương pháp tạo điều kiện cho một lối tiếp cận toàn diện như thế ».

Với đời sống dâng hiến

Ở số 83, Tông huấn nhắc lại rằng đời sống dâng hiến « trước hết nảy sinh từ việc lắng nghe Lời Chúa và đón nhận Tin Mừng như là quy luật sống ». « Sống theo chân Chúa Kitô, khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, như thế là một "sự chú giải" sống động Lời Chúa ». Thánh Thần, nhờ đó Thánh Kinh đã được viết, là chính Thánh Thần soi sáng « Lời Chúa cho các vị sáng lập bằng một ánh sáng mới. Từ Lời Chúa, mọi đặc sủng được nảy sinh và từ Lời Chúa, mọi quy luật muốn nên lời diễn tả ».

Đức Thánh Cha đặc biệt nhắc đến Truyền thống đan tu « đã luôn xem việc suy niệm Thánh Kinh như là một yếu tố cấu thành linh đạo riêng của mình, đặc biệt dưới hình thức *Lectio divina*. » Ngài khẳng định : « Cả ngày hôm nay nữa, những thực tại dâng hiến đặc thù cũ và mới đều được kêu gọi trở nên những trường sống thiêng liêng đích thực nơi mà Thánh Kinh được đọc theo Thánh Thần trong Giáo Hội, để tất cả Dân Thiên Chúa có thể hưởng ích từ đó. Bởi vậy, Thượng Hội Đồng khuyên nhủ rằng trong các cộng đoàn Đời sống thánh hiến, không bao giờ thiếu việc đào tạo vững chắc việc đọc Thánh Kinh với niềm tin tưởng ».

Đức Thánh Cha đặc biệt hướng đến các nam nữ đan sĩ, « qua việc học tách rời khỏi thế gian, trở nên kết hiệp thân mật hơn với Chúa Kitô, trung tâm của thế giới. Hơn bao giờ hết, Giáo Hội cần đến chứng tá của những ai dẫn thân « không yêu thích gì hơn tình yêu Chúa Kitô » ». Những người nam nữ sống đời chiêm niệm, « qua đời sống cầu nguyện, lắng nghe và suy niệm Lời Chúa nhắc cho chúng ta rằng con người không chỉ sống nhờ cơm bánh nhưng còn bởi mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra (x. Mt 4, 4). Do đó, mọi tín hữu phải nhớ rằng một hình thức sống như thế « chỉ ra cho thế giới hôm nay điều quan trọng nhất, và thậm chí xét cho cùng đó là điều quyết định duy nhất : có một lý trí tối hậu mà đáng sống cho, đó là Thiên Chúa và tình yêu khôn dò thấu ».

Với các giáo dân (số 84)

Đức Thánh Cha cho thấy Thượng Hội Đồng « rất thường chú ý đến giáo dân, cảm ơn sự quảng đại hiến thân của họ trong việc truyền bá Tin Mừng trong những nơi khác nhau của cuộc sống thường nhật của họ, ở nơi làm việc, tại trường học, trong gia đình và trong giáo dục. » Vì ơn gọi sống giữa đời của họ, nên « họ cần được đào tạo để phân định thánh ý của Thiên Chúa nhờ sự thân mật với Lời Chúa, được đọc và học hỏi trong Giáo Hội, dưới sự hướng dẫn của các Mục tử hợp pháp. »

Hôn nhân và gia đình (số 85)

Đức Thánh Cha cho thấy « Thượng Hội Đồng đã cảm thấy sự cần thiết nhấn mạnh tương quan giữa Lời Chúa, hôn nhân và gia đình kitô hữu. » Trong Tông huấn, Lời Chúa được trình bày như là « căn tính đích thực » và là « nguồn mạch của hôn nhân » và chính Chúa Giêsu đã nâng hôn nhân lên hàng bí tích. Đứng trước những tấn công hôn nhân và gia đình, trước những lối suy nghĩ tầm thường hóa thân xác con người và sự khác biệt giới tính, « Lời Chúa tái khẳng định sự tốt lành nguyên thủy của con người, được tạo dựng có nam và nữ, và được kêu gọi đến tình yêu chung thủy, hỗ tương và phong nhiêu. »

Từ đó, Tông huấn nhắc nhở các bậc cha mẹ, các đôi vợ chồng có nghĩa vụ trở nên « những sứ giả Lời Chúa đầu tiên cho con cái của mình ». Và « cộng đồng giáo hội phải nâng đỡ và trợ giúp họ phát triển việc cầu nguyện trong gia đình, lắng nghe Lời Chúa và hiểu biết Thánh Kinh ». Các bậc vợ chồng cũng hãy nhớ rằng « Lời Chúa cũng là một sự nâng đỡ quý giá trong những lúc khó khăn của đời sống vợ chồng và gia đình ».

Lectio divina, phương pháp suy niệm Thánh Kinh (số 86-87)

Tông huấn dành một phần quan trọng trình bày *Lectio divina* như phương pháp suy niệm Thánh Kinh. Đó là một « đòi hỏi tiếp cận cầu nguyện bản văn thánh như là yếu tố nền tảng của đời sống thiêng liêng của mọi tín hữu, trong những tác vụ và các bậc sống khác nhau ». Tông huấn nhấn mạnh: « Lời Chúa là nền tảng cho mọi linh đạo kitô hữu đích thực ». Bởi vì, như thánh Augustinô nói: « Lời cầu nguyện của bạn là lời của bạn nói với Thiên Chúa. Khi bạn đọc, chính Thiên Chúa đang nói với bạn; khi bạn cầu nguyện, chính bạn đang nói với Thiên Chúa ».

Tuy nhiên, Tông huấn cũng cảnh giác chúng ta trước một « lối tiếp cận » Thánh Kinh cách « cá nhân chủ nghĩa » và cho thấy rằng Lời Chúa được ban cho chúng ta là « để xây dựng sự hiệp thông, để kết hiệp chúng ta trong chân lý suốt hành trình của chúng ta về với Thiên Chúa. Đó là một Lời được nói với mỗi người cách cá nhân, nhưng đó cũng là một Lời xây dựng cộng đoàn, xây dựng Giáo Hội. Chính vì thế, *bản văn thánh phải luôn được đề cập trong sự hiệp thông giáo hội* ». « Vì thế thật quan trọng việc đọc Thánh Kinh và bảo vệ Thánh Kinh trong sự hiệp thông của Giáo Hội, tức là với tất cả các đại chứng nhân của Lời này, bắt đầu bởi những Giáo Phụ đầu tiên cho đến các thánh hôm nay, cho đến Huấn quyền hiện tại ».

Số 87 dành sự chú ý đặc biệt cho phương pháp tiếp cận Thánh Kinh trong đức tin: *Lectio divina*, một phương pháp « có khả năng mở ra cho tín hữu kho tàng Lời Chúa, và như thế khơi lên cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, Lời hằng sống của Thiên Chúa ».

Các giai đoạn căn bản của *Lectio divina* được Tông huấn trình bày như sau:

+ Mở đầu là việc đọc bản văn Lời Chúa (**lectio**), việc đọc này « gợi lên câu hỏi về sự hiểu biết đích thực nội dung của nó: *tự nó bản văn Thánh Kinh nói gì?* Không có giai đoạn này, bản văn có nguy cơ chỉ trở nên một cái cớ để không bao giờ ra khỏi các tư tưởng của chúng ta. »

+ Tiếp đến là « việc suy niệm (**meditatio**), đặt ra câu hỏi sau: *bản văn Thánh Kinh nói gì với chúng ta?* Ở đây, mỗi người cách cá nhân, nhưng cũng xét như là thực tại cộng đoàn, phải để cho mình được chạm đến và đặt lại vấn đề, vì nó không hề tại xem xét những lời được loan báo trong quá khứ nhưng là trong hiện tại. »

+ Như vậy, chúng ta đi đến giai đoạn cầu nguyện (**oratio**). Giai đoạn này “giả thiết câu hỏi sau: *Chúng ta nói gì với Chúa nhằm đáp lại Lời Ngài?* Việc cầu nguyện như là lời cầu xin, cầu bầu, tạ ơn và ca ngợi, là cách thức đầu tiên qua đó Lời Chúa biến đổi chúng ta.

+ Sau cùng, “*Lectio divina* kết thúc bằng việc chiêm ngắm (**contemplatio**), trong đó chúng ta chấp nhận, như là ân huệ của Thiên Chúa, chính cái nhìn như Ngài để phán đoán thực tại, và chúng ta tự hỏi: *sự hoán cải tinh thần, tâm hồn và cuộc sống nào mà Chúa đòi hỏi chúng ta?* Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Rôma khẳng định: “Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo.” (12, 2). Quả thế, việc chiêm ngắm hướng đến việc tạo nên trong chúng ta một cái nhìn khôn ngoan về thực tại, tuân theo Thiên Chúa, và đào tạo trong chúng ta “tư tưởng của Chúa Kitô” (1Cor 2, 16). Lời Chúa được trình bày ở đây như là tiêu chí phân định: “Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi: xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tuỷ; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của lòng người”.

+ “Tiếp đến cần nhớ rằng *Lectio divina* không hoàn tất trong sự năng động của nó bao lâu nó không đổ ra trong hành động (**actio**)”, đưa đời sống của người tín hữu đến chỗ “trở nên quà tặng cho người khác trong đức ái”.

VỀ MỤC LỤC

Linh Mục Anrê Dũng Lạc Trần Cao Tường Đã về Nhà Cha

VỀ NHÀ CHA

RIP

VỚI TÂM TÌNH PHÓ THÁC VÀ DÂNG HIẾN

Tổng Giáo Phận New Orleans,

Giáo xứ Thánh Lê thị Thành

Họ Đức Mẹ Lên Trời, Avondale, Louisiana

Bà Cố Trần Thị Phán và Tang Quyển, Gia Đình Linh Tông

Trân Trọng Kính Báo:

Linh mục Andrê Dũng-Lạc TRẦN CAO TƯỜNG

sinh ngày 15 tháng 8 năm 1946 tại Ninh bình, Việt Nam

Thụ phong Linh mục ngày 6 tháng 4 năm 1975

tại nhà thờ Kim Hòa, Giáo phận Long Xuyên

đã về Nhà Cha vào lúc 11giờ 56 sáng

Chúa nhật ngày 21 tháng 11 năm 2010

tại Bệnh viện Ochsner, Kenner, Louisiana

Hưởng thọ 64 tuổi.

Các Thánh lễ cầu nguyện sẽ được cử hành tại:

1. Nhà thờ Thánh Lê Thị Thành

6851 St. Le Thi Thanh St., Marrero, LA 70072

Vào lúc 6 pm thứ ba, 23 tháng 11.

 Phân ưu và viếng xác sau Thánh lễ cho đến 9 pm

2. Nhà thờ Maria Nữ Vương Việt Nam

5069 Willowbrook Dr., New Orleans, LA 70129

Vào lúc 6 pm thứ tư, 24 tháng 11.

 Phân ưu và viếng xác sau Thánh lễ cho đến 9 pm

3. Nhà thờ Họ Đức Mẹ Lên Trời

172 Noel Dr., Avondale, LA 70094

Vào lúc 6 pm thứ năm, 25 tháng 11.

 Phân ưu và viếng xác sau Thánh lễ cho đến 9 pm

Thánh lễ An Táng sẽ được cử hành tại Nhà thờ Họ Đức Mẹ Lên Trời vào lúc 10 giờ sáng thứ sáu, ngày 26 tháng 11

 8 giờ đến 9:30 am: Viếng xác

 9:30 am: Linh mục và Tu sĩ đọc kinh nguyện

 **10 am: Thánh Lễ**

- Linh cữu Cha Anrê Dũng Lạc sẽ được an táng tại nghĩa trang Restlawn Park, Avondale, Louisiana

DUNG LAC FOUNDATION

Để quật khởi và tiếp tục làm sống động sức sống Dũng Lạc do LM Anrê Trần Cao Tường sáng lập, **DUNG LAC FOUNDATION** (NGÂN QUỸ DŨNG LẠC) đã được thành lập hầu có thể hỗ trợ cho Mạng Lưới Dũng Lạc phát triển văn hóa và văn học Công Giáo theo tinh thần Việt. Theo tinh thần của Dũng Lạc, quỹ sẽ được góp phần "Công giáo vào gia tài chung của Mẹ Việt Nam để xiển dương đạo sống văn hóa Việt có sức vươn lên...vừa hội nhập văn hóa vừa phải thăng tiến văn hóa."

Thay vì phúng điếu hoặc đặt vòng hoa, chúng tôi xin quý vị dâng cúng vào ngân quỹ Dũng Lạc. Ngân phiếu xin đề: DUNG LAC FOUNDATION và gửi về địa chỉ: DUNG LAC FOUNDATION/ 1000 Westwood Dr./ Marrero, LA 70072. Xin cảm ơn.

(504) 606-3132 hoặc (504) 472-7798

Phạm Văn Tuệ, Lm.

Vài dòng tiểu sử Linh Mục Anrê Dũng Lạc Trần Cao Tường

Linh mục Anrê Trần Cao Tường sinh ngày 15 tháng 8 năm 1946 tại Phát Diệm, Ninh Bình, Bắc Việt, là con cả trong gia đình bảy (7) anh em của Ông Bà Cố Trần Văn Phán.

Lm. Anrê Trần Cao Tường

Em trai Trần Cao Thắng

Em gái Trần Thị Hường

Em trai Trần Cao Tài

Em gái Soeur Francis Trần Kim Cúc

Em gái Trần Ánh Tuyết

Em trai Trần Cao Toàn

Từ thuở nhỏ, lớn lên trong cảnh nghèo túng của gia đình miền quê Bắc Việt, Cha Tường (tên thật là Tiến) rất hiếu học và thông minh khác thường, nên vì muốn đầu tư cho con có tương lai về học vấn, Bố Mẹ cố gắng chắt chiu dành dụm để Cha có cơ hội cấp sách đến trường. Di cư vào Nam Việt cùng với gia đình năm 1954, Cha Tường vẫn tiếp tục theo đuổi việc học vấn, đồng thời cùng phụ giúp bố mẹ nuôi nấng đàn em và lo công việc ruộng nương cấy lúa kiếm tiền sinh sống.

Ngày 1 tháng 9 năm 1959, sau 5 năm vào Nam Việt, Cha Cố Simon Nguyễn Quang Duy nhận Cha Tường làm con thiêng liêng và gửi đi học tại Tiểu Chủng Viện Phát Diệm – Phú Nhuận. Trước khi gia nhập tiểu chủng viện, Cha Tường (Tiến) lâm cảnh bệnh thương hàn hơn ba tháng bỏ học. Ngày lên đường vào tiểu chủng viện để dự thi, Cha Bố bàn kế lấy tên người em trai là Trần Cao Tường để ghi danh đi thi; vì sợ bỏ học lâu quá nhỡ đi thi sẽ bị rớt vẫn có thể dùng lại tên thật là Tiến để ôn bài thi lại. Việc gì Bề Trên an bài đều đã có tiền định. Trong lúc ốm nặng, Cha Tường cuốn mền đi thi, và quả nhiên, chỉ thi một lần, Cha đậu ngay và được nhận. Kể từ đây, Cha đã bị dính liền với tên cúng chuối đó là Trần Cao Tường và tên Tiến thật kia đã không bao giờ được gọi tới nữa.

Tháng 10 năm 1967, Cha Tường đã được tuyển chọn trong những chủng sinh xuất sắc của Địa Phận Long Xuyên đi du học 6 năm tại Trường Truyền Giáo Roma, Italy. Năm 1972, Ông Cố của Cha qua đời trong lúc Cha vẫn còn tu học bên Ý. Năm 1973 Cha Tường tốt nghiệp và trở lại Việt Nam, chịu Chức Phó Tế và giúp xứ tại Phú Quốc.

Ngày 6 tháng 4 năm 1975, Cha Anrê Trần Cao Tường Thụ Phong Linh Mục qua việc đặt tay và xức dầu truyền chức của Đức Cố Giám Mục Micae Nguyễn Khắc Ngữ tại Nhà Thờ Kim Hòa, Địa Phận Long Xuyên. Hai tuần sau khi lãnh nhận Thiên Chức Linh Mục, Cha Tường trở về Phú Quốc để dâng Thánh Lễ Tạ Ơn. Cũng kể từ dịp này, Cha Tường cùng với hai người em gái là Sơ Kim Cúc và cô Ánh Tuyết bị khóa đường trở về đất liền và biến cố 30 tháng 4 xảy đến, Cha cùng với hai người em gái lên đường định cư tại Hoa Kỳ cùng với bao nhiêu người tị nạn Cộng sản Việt Nam khác.

Thời cuộc gian nan không nản chí nam nhi. Tháng 9 năm 1975 Cha Tường đoàn tụ cùng với 11 gia đình Việt Nam đầu tiên, chọn miền nắng ấm New Orleans làm tổ ấm và dọn về định cư kể từ ngày đó. Cộng Đồng Các Thánh Tử Đạo Việt Nam được thành lập, và cũng chính từ nơi này, năm 1983 Giáo Xứ Việt Nam đầu tiên của Hoa Kỳ được thành lập dưới sự điều hành của Cha Sở là Đức Cha Dominic Mai Thanh Lương. Cũng trong thời gian mục vụ tại Giáo Xứ Maria Nữ Vương Việt Nam, còn có tên gọi thật thô sơ là làng "Versailles," Cha Tường bắt đầu chú tâm vào lãnh vực tu đức, tinh tâm, và khởi đầu giấc mơ "Tinh Thần Dũng Lạc." Các khóa huấn luyện và đào tạo nhân lực tổ chức hàng tuần, lồng chung với những khóa canh tân sống đạo cho người giáo dân trong giáo xứ và các tiểu bang lân cận được hằng say linh động.

Tháng 2 năm 1991, theo sự xếp đặt của Tòa Giám Mục Tổng Giáo Phận New Orleans, Cha Tường được chuyển tới một cộng đoàn nhỏ bé Miền Tây Ngạn để làm Quản Nhiệm Cộng Đoàn Đức Mẹ Lên Trời. Thời gian làm việc nơi này, ngoài lãnh vực mục vụ, Cha có nhiều giờ viết sách tu đức, đào sâu vào những chương trình hữu ích cho giáo hội và cộng tác quật khởi những phong trào văn hóa. Bên cạnh đó, Cha Tường còn được sự hỗ trợ mãnh liệt từ bên gia đình và những người con nghĩa tử:

- Lm. Francis Bùi Quyết, SDD – Phụ trách Tu Viện Nguyễn Duy Khang, Tu Đoàn Tông Đồ Giáo Sĩ Nhà Chúa, New Orleans
- Sơ Ann Catherine Nguyễn Hòa – Dòng Phanxicô – Giám Đốc các chi nhánh Nhà Thương Our Lady of The Lake
- Lm. Trần Đức Huỳnh, SVD – Lm. Truyền Giáo tại Đài Loan và Việt Nam
- Lm. Phạm Tăng Tri – Vero Beach, Florida
- Lm. Phạm Anh Tuấn – Cha Sở Giáo Xứ St. Cletus, Gretna, Louisiana
- Lm. Bùi Đại – Cha Sở Giáo xứ Resurrection, Phoenix, Arizona

Những năm tháng gần đây, Cha Tường bắc nhịp cầu nối kết xứ đạo vào các chương trình Canh tân Đặc sủng Thánh Linh và hoạt động liên li với những khóa học hỏi tỉnh tâm và giảng thuyết hàng tuần trên toàn quốc Hoa Kỳ. Cha còn trực tiếp cộng tác với những chương trình quảng bá sứ điệp "tin vui gửi thời đại mới" và truyền rao Tin Mừng qua các mạng lưới toàn cầu. Bản tính đam mê công việc mục vụ đã khiến Cha si mê Chúa và say xưa văn hóa.

Ngày 13 thán 10 năm 2010, Cha lâm cơn bệnh nhiễm trùng hiểm nghèo trong mạch máu tim. Vào lúc 11 giờ 56 sáng Chúa Nhật Lễ Chúa Kitô Vua, 21 tháng 11 năm 2010, Linh Mục Anrê Trần Cao Tường đã được Chúa gọi về hưởng Thiên Nhan Ngài. Hưởng thọ 64 tuổi.

LM. FX Bùi Quyết, SDD

VỀ MỤC LỤC

NGUY CƠ CỦA TIỀN BẠC ĐỐI VỚI NHIỀU GIÁO SĨ, TU SĨ NGÀY NAY

Xưa Chúa Giêsu đã từng lưu ý các môn đệ của Người về nguy cơ của tiền bạc như sau:

"Không ai có thể làm tôi hai chủ: vì hoặc ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh chê chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của được. (Mt 6:24)

Hoặc nghiêm khắc hơn:

"Khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi" (Lc 6: 24)

Lời Chúa trên đây, về một phương diện, đã chỉ cho chúng ta mỗi hiểm nguy của lòng tham mê tiền của, chuộng giàu sang, phú quý ở trần gian này.

Nhưng thực sự có phải Chúa lên án những người giàu có – và như vậy - có nhiều tiền của là một cái tội hay sao?

Chắc chắn không phải vậy. Điều Chúa muốn nói với các môn đệ xưa và mọi người chúng ta ngày nay, là ta không được coi tiền của ở thế gian này trọng hơn phú quý giàu sang trên Nước Trời. Và nếu có may mắn được giàu có, thì hãy khôn ngoan mà biết dùng tiền của để "mua" hạnh phúc đời đời, bằng cách thực thi bác ái cách quảng đại để thương giúp, chia sẻ với những ai kém may mắn, thiếu thốn hơn mình, vì Chúa Kitô thực sự hiện diện nơi những người nghèo đói, rách rưới, cô đơn, ốm đau, bị tù đầy và đang chờ chúng ta mở lòng thương cứu giúp. (Mt 25: 31-46)

Phúc Âm Thánh Luca, kể lại cho chúng ta dụ ngôn về một người giàu có bị phạt trong âm phủ trong khi người nghèo La-za-rô được lên Thiên Đàng chung vui hạnh phúc với Tổ phụ Abraham. Người giàu bị phạt không phải vì tội giàu có, mà bị phạt vì đã không thương bố thí tí gì cho người nghèo La-za-rô hàng ngày ngồi ăn xin ở cửa nhà mình. (Lc 16).

Như thế, đủ cho thấy rõ là nếu giàu có mà không có bác ái đi kèm thì sẽ trở thành ích kỷ và vô cảm (insensitive) trước sự đau khổ của biết bao người xấu số, nghèo đói, bệnh tật đang mong muốn được cứu mang, giúp đỡ vì lòng nhân đạo.

Là người tín hữu Chúa Kitô, hơn ai hết, chúng ta được mời gọi thực thi đức tin bằng đức ái, hay nói khác đi, bác ái là thước đo đức tin của mỗi người chúng ta theo lời Thánh Giacô-bê Tông Đồ dạy như sau:

"Thưa anh em, ai bảo rằng mình có đức tin mà không có hành động theo đức tin thì nào có ích gì?... Giả sử có người anh em hay chị em không có cái áo che thân và không đủ của ăn hàng ngày mà có ai trong anh em lại nói với họ: "hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no" nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì

nào có ích gì?” (Gc 2:14-16).

Như thế, đức tin phải được thể hiện cụ thể bằng đức ái nồng nàn.

Sống trên trần gian này, không ai ngây thơ, hay thiếu thực tế mà cho rằng tiền bạc và phương tiện vật chất là không cần thiết. Ngược lại, trong giới hạn chính đáng của nó, chúng ta cần có tiền, có nhà ở, xe cộ làm phương tiện di chuyển để sống một đời sống phù hợp với nhân phẩm. Chúa không cấm chúng ta tìm tiền của, để sử dụng cho những nhu cầu chính đáng ấy của bản thân và cho gia đình.

Nhưng là người tin có Thiên Chúa, tin có hạnh phúc đời đời trên Thiên Quốc, thì ưu tiên phải là tìm kiếm Thiên Chúa và Vương Quốc hoan lạc của Người. Đó mới chính là nơi, mà người tín hữu chúng ta phải ưu tiên đầu tư tâm trí, thì giờ và tài năng để **“sắm lấy những túi tiền chẳng bao giờ cũ rách, một kho tàng ở trên trời, nơi trộm cướp không bén bàng, mối mọt cũng không đục phá”** (Lc 12: 33). Do đó, nếu không lo tìm kiếm sự sang giàu, phú quý của Nước Trời mà chỉ lo tìm kiếm của cải, tiền bạc chóng qua ở trần gian này, thì người ta sẽ dễ dàng đi đến chỗ tôn thờ tiền bạc, làm nô lệ cho của cải vật chất, hơn là tôn thờ Thiên Chúa là nguồn mạch của mọi giàu sang, và vinh phúc mà chính Chúa Giêsu **“Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.”** (2 Cor 8: 9)

Cả cuộc đời của Chúa Giêsu, từ khi sinh ra trong hang bò lừa, cho đến ngày chết tất tưởi không một mảnh vải che thân trên thập giá, đã dạy cho chúng ta một bài học đích đáng về sự hư vô của mọi vui thú và giàu sang trong trần thế này.

Vậy mà người ta - người có đức tin cũng như kẻ vô tín ngưỡng - vẫn nô nức nhau đi tìm tiền của bất chấp mọi nguyên tắc công bình nhân đạo và bác ái để miễn sao có được nhiều tiền thì thôi. Hãy nhìn xem những kẻ đang kiếm tiền, làm giàu bằng kỹ nghệ cờ bạc, nhất là buôn bán phụ nữ và trẻ em cho bọn người vô luân, vô đạo, môn đệ của Satan, đi tìm thú vui dâm ô vô cùng khốn nạn này ở khắp nơi trên thế giới hiện nay. Phải nói quỷ satan đang thống trị bọn người môi giới để bán và mua thú vui cực kỳ nhơ bẩn và tội lỗi này; kể cả những kẻ đang khai thác kỹ nghệ sản xuất phim ảnh, sách báo khiêu dâm để đầu độc hàng triệu người lớn và trẻ em chỉ vì mục đích tìm tiền để làm giàu cách vô luân và vô đạo.

Người đời không có niềm tin thì sống như vậy, còn người tín hữu Chúa Kitô, thì sao?

Chúng ta có sống khác với những người không có đức tin hay cũng đồng lõa với họ trong việc mưu tìm tiền của và làm giàu cách phi pháp, vô đạo?

Thực tế đáng buồn đã cho thấy là, cũng vì tham tiền cách bất chánh, mà rất nhiều tín hữu đã làm những nghề hay dịch vụ không phù hợp với đức tin Công giáo, như giúp người khác khai gian để lấy tiền bồi thường của bảo hiểm trong những vụ tai nạn xe cộ, hoặc buôn bán những sách báo, phim ảnh dâm ô, đồi trụy, làm hàng giả bán để kiếm tiền và làm hại người tiêu thụ. Đặc biệt là lén lút trồng cây thuốc phiện cần sa dưới nhãn hiệu **“trông và tưới cỏ”**, để làm giàu cho mình và làm hại biết bao người khác.

Chắc chắn, khi làm những nghề hay dịch vụ nói trên để kiếm tiền, người ta đã quên mất địa vị và bản chất của mình là người tín hữu Chúa Kitô đòi hỏi phải tránh dịp tội cho mình và cho người khác. Tệ hại hơn nữa là có nhiều người công giáo ngày nay không có giờ để cầu nguyện, đi tĩnh tâm, tham dự Thánh lễ ngày Chúa Nhật và các ngày Lễ Trọng quanh năm, nhưng lại có dư ngày giờ để đi đến các chỗ ăn chơi, nhảy nhót hoặc chui vào các sòng bạc, casino lớn nhỏ, với hy vọng kiếm tiền cách bất lương, vô đạo, vì cờ bạc là một tội lớn nghịch điều răn thứ Bảy và Mười mà người Công giáo phải tuân giữ cùng với các giới răn khác cho được ơn cứu độ.

Đó là về phía người giáo dân, còn linh mục, tu sĩ thì sao?

Thực là điều đáng buồn phải nói rằng cũng vì thích tiền, mê của cải vật chất hơn yêu mến Chúa Kitô và Phúc Âm sự Sống của Người, nên một số giáo sĩ, tu sĩ đã bất chấp luật công bằng và lương tâm để ăn cắp tiền của nhà Dòng, Nhà xứ và cả tiền của quỹ từ thiện, quỹ bảo trợ và xây cất Tu Viện, nhà thờ... để đi xây “tổ ấm” riêng, gây thiệt hại cho nhà Dòng, nhà xứ liên hệ, tạo gương mù cho giáo dân và tai tiếng cho hàng giáo sĩ nói riêng và cho Giáo Hội nói chung!

Xưa Giuđa đã bán Chúa cũng chỉ vì mê tiền của hơn yêu mến Thầy.

Chính vì hấp lực của đồng đôla, mà có người đã giả tàn tật, ngồi xe lăn để đi xin tiền; cũng như đã làm giả giấy giới thiệu của Bề Trên để xin tiền bỏ vào túi tham của mình. Lại nữa cũng với danh nghĩa xây nhà hưu dưỡng, nhà cho trẻ mồ côi, tàn tật, người ta đã quyên góp được biết bao nhiêu tiền. Nhưng cho đến nay các cơ sở này đã thành hình ở trong và ngoài nước chưa? để giúp ích cho các đối tượng được mượn danh nghĩa để đi quyên góp tiền bạc ở nhiều nơi? Hay tiền đó rút cuộc lại vào túi người đứng ra tổ chức và quyên góp mà không ai có thể biết được là bao nhiêu?

Chưa hết, còn nạn một số linh mục (Dòng và Triều) thường tổ chức mừng kỷ niệm thụ phong hay khấn Dòng để lấy tiền mừng. Theo truyền thống xưa nay trong Giáo Hội, thì người ta chỉ tổ chức mừng Ngân khánh (25 năm); Kim khánh (50 năm) và Ngọc khánh (60 năm). Việc này rất tốt và đáng duy trì để cảm tạ Chúa, đã cho mình được phục vụ Chúa và Giáo Hội lâu năm trong ơn gọi tận hiến.

Tuy nhiên đừng mượn cơ hội này để kiếm tiền như một số linh mục đã làm và chắc còn làm trong tương lai. Đó là những người mới có 1 năm, 10, 15, 20 năm đã tổ chức mừng không phải chỉ trong Thánh lễ ở nhà xứ mà còn ra nhà hàng, restaurant để lấy tiền mừng của hàng mấy trăm người, có khi cả ngàn người được mời đến tham dự! Những người thân quen được mời đã đành, nhưng có những người không mấy quen biết cũng được mời cho đông nên người ta đã ta thán rằng "mình đâu có quen biết cha đó mà sao cũng được mời!"

Hãy đặt mình vào địa vị những người, mỗi tuần nhận được 2, 3 thiệp mừng đám cưới lại thêm thiệp mừng thụ phong của linh mục nào nữa thì họ sẽ xử trí ra sao? Và nếu họ phải đi tham dự thì lòng họ có vui khi phải chi ra những món tiền ít nhất là 50 dollars cho mỗi dịp như vậy?

Như thế, linh mục có nên mượn dịp thụ phong 1 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm, 25 năm, 35 năm hoặc 40 năm để tổ chức linh đình tại nhà hàng với rất nhiều người được mời để kiếm tiền mừng hay không?

Đố có ai dám tổ chức và từ chối tiền mừng của người tham dự. Nếu làm được như vậy thì tha hồ tổ chức, mỗi năm một lần cũng không sao!

Sau hết, lại còn chuyện khôi hài nữa là một vài linh mục còn tổ chức sinh nhật (birthday) của mình và gửi thiệp mời giáo dân tham dự để làm gì???

Đức Thánh Cha và các Giám mục giáo phận có ai làm chuyện lỗ lã này đâu, mà sao mấy ông linh mục kia lại làm để gây phiền phức cho giáo dân và người quen bắt buộc phải tham dự và có quà mừng.

Tóm lại, Linh mục và tu sĩ (những người có lời khấn Dòng) phải sống và làm gương khó nghèo của Phúc Âm cho giáo dân. Nếu cũng tham lam của cải trần gian để đi đến chỗ ăn cắp tiền (số tiền không nhỏ) của Nhà Dòng, Tu Hội hoặc giáo xứ thì còn dạy dỗ ai về đức công bằng và thuyết phục được ai sống tình thần khó nghèo của Chúa Kitô nữa?

Giàu có, tự nó, không phải là một tội phải tránh để cho được đẹp lòng Chúa. Nói khác đi, có tiền của, và nhiều phương tiện vật chất như nhà ở, xe tàu, ruộng đất v.v mà biết dùng những phương tiện này vào những mục đích tốt cho mình và cho người khác thì lại là điều đáng khen ngợi và đề cao. Nói được như vậy, là vì cuộc sống con người nói chung và hoạt động của Giáo Hội nói riêng, đều cần có tiền cho những nhu cầu chính đáng phải thỏa mãn như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc men khi đau yếu, phương tiện di chuyển, xây cất và bảo trì cơ sở thờ phượng và đi rao giảng Tin Mừng. Cho nên, nếu nói không cần tiền và phương tiện vật chất, chỉ cần tinh thần thôi thì quả là không thực tế hay ảo tưởng.

Nhưng tại sao Chúa Giêsu phải nói những lời trên đây với các môn đệ khi đó và với mọi người chúng ta ngày nay?

Chắc chắn Chúa không lên án người giàu có chỉ vì họ có nhiều tiền của. Chúa cũng không dạy phải chê ghét tiền của và mọi tiện nghi vật chất như nhà ở, xe cộ, máy móc, điện thoại, và những tiện nghi của đời sống văn minh ngày nay.

Điều Chúa muốn nói và dạy chúng ta phải thực hành là không được yêu thích tiền của đến nỗi làm nô lệ cho nó, khiến quên lãng mục tiêu quan trọng hơn là tìm kiếm sự giàu sang và hạnh phúc bất diệt trên Nước Trời. Mê tiền của sẽ làm mù tối lương tâm của mọi người kể cả linh mục và tu sĩ, khiến coi việc ăn cắp, gian dối, lường gạt là vô hại cho phần rỗi của mình.

Tóm lại, mê tiền của sẽ là trở ngại lớn lao cho những ai muốn sống công bình và bác ái để chứng minh đức tin bằng việc lành cụ thể, vì đức tin mà không có việc bác ái đi kèm là đức tin chết theo lời dạy của Thánh Gia-cô-bê Tông Đồ. (Gc 2: 26)

LM Phanxicô Xaviê Ngô tôn Huân

VỀ MỤC LỤC

Tử đạo và cuồng tín

- Tổ mới đọc báo sáng nay. Lại có thêm một vụ đánh bom tự sát làm chết nhiều người tại một khu chợ. Lần này khác mấy lần trước: do một cô gái. Cậu nghĩ sao về tin này?

+ Nói thật là tổ vừa phục vừa tức. Phục vì cô ta dám liều chết cho tôn giáo của cô ấy. Tức vì cô ta làm chết những người vô tội.

- À, tổ nghe nói là bên đạo của cậu cũng tôn thờ những người chết cho đạo, hình như tổ nghe người ta gọi là các thánh 'tử đạo' gì gì đó, đúng không?

+ Ừa, nhưng nói luôn để cậu rõ. Đạo tổ chỉ tôn thờ một mình Thiên Chúa thôi. Còn tất cả các vị thánh và cả Đức Mẹ nữa thì không tôn thờ, mà chỉ tôn kính.

- Nhưng tổ thắc mắc không biết các thánh tử đạo của cậu có gì khác với những kẻ cuồng tín liều chết vì tôn giáo của họ kia không? Cả hai cũng vì tôn giáo mà chết thôi, đúng không?

Bạn thân mến, bạn nghĩ sao về vấn đề này?

Mời bạn đẩy vấn đề xa hơn một chút để làm cho cuộc đời vốn đã rắc rối này được thêm một phần phức tạp nữa, Bạn nhé. Hì hì hì...

Ta thử đặt mình vào vị trí của một "tên khủng bố" và cố gắng hiểu anh ta một chút xem sao. Có thể là anh ta rất tin rằng cái chết của mình sẽ làm cho Thượng Đế hài lòng, làm cho gia đình và người đồng đạo tự hào, làm cho thế giới này 'sạch sẽ' hơn khi bớt đi những kẻ không cùng niềm tin mà anh ta cho là chân lý. Nếu nghĩ như thế, việc anh ta dám liều chết cho tôn giáo của mình có thể nói là xuất phát từ một niềm tin vững chắc. Anh ăn bữa cuối cùng với người thân, nói lời vĩnh biệt, giấu khối chất nổ trong áo, tìm một nơi có nhiều người qua lại, rút kíp nổ và tan thành trăm mảnh....Trong mắt những "đồng chí" (hơi khác nghĩa với "đồng đạo") của anh, anh là một người hùng, một tấm gương sáng ngời, một dũng sĩ diệt xấu, một vị tử đạo đáng tôn kính. Bạn nghĩ sao?

Bây giờ ta đặt mình vào vị trí của các Thánh Tử Đạo trong truyền thống Công Giáo để hiểu và đối chiếu một chút. Danh từ "tử đạo" mà người Công Giáo dùng có gốc từ chữ "martyr" trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "làm chứng". Một người được xem là tử đạo khi người ấy trước tiên dám sống và sau đó là dám chết cho niềm tin vào Chúa Giêsu. Họ làm như thế để minh chứng rằng Chúa Giêsu là nguồn cội và cùng đích hạnh phúc của mình. Một khi đã gặp được Người là kho tàng quý giá nhất rồi thì cho dù phải chết họ cũng không (dại gì mà) bỏ Người.

Nói như thế thì người ta vẫn có thể tranh luận: "Tôi thấy họ cũng không khác gì mấy kẻ cuồng tín khủng bố vì cả hai đều chọn chết cho điều họ xem là quý giá." Bạn thấy thế nào? Mời Bạn tiếp tục cuộc suy tư.

Bạn biết đấy, từ khởi đầu lịch sử của Hội Thánh Công Giáo cho đến tận hôm nay, khắp nơi trên thế giới này, đã và vẫn đang có bao nhiêu con người sẵn sàng mất mạng sống mình để tuyên xưng rằng mình không thể bỏ Giêsu được. Quê hương Việt Nam thân yêu của tụi mình có hơn một trăm ngàn tín hữu đã hy sinh, trong đó 118 vị có lai lịch và chứng tích rõ ràng đã được Hội Thánh hoàn vũ tôn vinh chính thức. Ta có quyền hy vọng rằng sẽ có thêm nhiều vị khác được tôn vinh như thế. Nhưng đâu là điểm khác biệt giữa những kẻ cuồng tín

và các vị tử đạo Công Giáo? Rất đơn giản, Bạn à: Các vị tử đạo của chúng ta sống và chết **theo tinh thần của Thầy Giêsu**. Theo tinh thần của Thầy Giêsu nghĩa là thế nào? Thưa, là yêu thương cho đến cùng dù phải chết.

Nói như thế xem ra vẫn còn chung chung. Một lần nữa, mời Bạn nhìn vào Thầy Giêsu để xem Người đã sống và chết như thế nào. Những sách vở ghi chép lại về cuộc đời của Thầy đều thể hiện một điểm rất rõ: Thầy Giêsu là hình ảnh trung thực và trọn vẹn nhất của Thượng đế. Thầy vô cùng yêu quý con người, nhất là những người đau khổ, những tâm hồn tan nát giữa dòng đời. Không một ai đến với Thầy mà bị từ khước. Không một ai không có chỗ đặc biệt trong trái tim Thầy. Tất cả đều được tôn trọng và nâng niu. Tất cả đều được chữa lành khi gặp Thầy. Tất cả đều được tha thứ và trợ giúp để làm lại cuộc đời. Tất cả đều gặp lại chính mình và được là mình một cách trọn vẹn lúc ở với Thầy. Khi người ta vì ghen tương, ích kỷ, hận thù, tư lợi, bất công và độc ác đóng đinh Thầy trên cây thập giá để giết chết Thầy, giữa cơn đau đớn, tủi nhục và cô đơn tột cùng ấy, Thầy vẫn chúc lành cho họ. Chính lúc đen tối nhất cuộc đời ấy, ánh sáng tình yêu trong trái tim Thầy đã chiến thắng cơn cám dỗ cuối cùng, cơn cám dỗ vẫn hoành hành trong xã hội loài người: bạo lực và hận thù. Bạn thân mến, hẳn là bây giờ tội mình đã thấy rõ thế nào là tinh thần của Thầy Giêsu? Hẳn là Bạn đã nhận ra sự khác biệt giữa những kẻ cuồng tín liều mạng để giết chết những người khác và các vị tử đạo Công Giáo?

Nếu Bạn không quá bận thì mời bạn đi thêm một quãng đường nữa để nhìn vào cuộc đời của những vị tử đạo Việt Nam. Như mình đã nói, **họ tử đạo vì họ đã sống và chết theo tinh thần của Thầy Giêsu**. Cụ thể là thế này: Vì **sống** theo tinh thần của Thầy, họ làm cho môi trường sống xung quanh trở nên nhiều yêu thương, chia sẻ và cảm thông. Sách vở còn ghi lại một điểm rất quan trọng: Khi người ta đến bắt và đem các vị đi xử tử thì những anh chị em không chung niềm tin Kitô đã khóc thương và tiễn chân họ. Điều đó có nghĩa là trước khi họ đổ máu làm chứng cho Thầy Giêsu thì họ đã là những nhân chứng cho Thầy bằng chính cuộc sống yêu thương của mình. Nói cách khác, họ đã "tử đạo" trước khi đổ máu. Vì **chết** theo tinh thần của Thầy, khi không còn có thể trốn lánh bách hại, họ đón nhận việc bắt bớ, tù tội và thậm chí cả cái chết như một cơ hội để chứng tỏ tình yêu của mình dành cho Thầy Giêsu, Đấng đã thương yêu họ một cách vô điều kiện. Họ không hề gây hại cho những kẻ đang muốn hãm hại và giết chết mình, và như thế, họ đã làm sáng lên tinh thần Thầy Giêsu giữa bóng tối hận thù chết chóc. Nhiều người trong số họ theo gương Thầy mà cất lời chúc lành và tha thứ cho kẻ giết mình. Bạn biết đấy, họ không chết một cách nhu nhược hay vô ích. Khi dòng máu họ chạm đất thì lập tức hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu hạt giống niềm tin được nảy sinh trong lòng người, ngay cả những người đã ra tay đổ máu họ.

Bạn thân mến, nếu ta chỉ đơn giản kết thúc suy tư này ở đây thì thật ra ta chỉ mới dừng lại ở việc phân tích một vấn đề bình thường chứ nó chẳng thực sự đụng chạm vào cuộc sống hằng ngày của tội mình, phải không Bạn? Xin cho mình mạo muội đưa ra một gợi ý để sống "tinh thần tử đạo" nhé. Bạn biết đấy, chất tử đạo đã được cha ông chúng ta bộc lộ trước cả khi đổ máu. Hoá ra tội mình cũng có thể bắt chước việc tử đạo này của các ngài. À, biết đâu xung quanh ta đang có nhiều vị tử đạo âm thầm làm chứng cho tinh thần Giêsu, một... 'câu lạc bộ tử đạo', Bạn nhỉ ! Tội mình cùng tham gia 'câu lạc bộ' này để giúp Thầy Giêsu biến đổi thế giới thành nơi thêm tình yêu và bớt hận thù, Bạn nhé! Cảm ơn Bạn!

Joseph Việt, O.Carm.

VỀ MỤC LỤC

NỖI LO SỢ KHÔNG TÊN

Chuyện kể rằng, một người nọ sau khi từ giã cõi đời và được về bên Thượng Đế, anh ta mạo muội xin phép Thượng Đế cho anh ta được sống lại một vài giai đoạn trong đời anh ta. Sau khi suy nghĩ và thấy anh này cũng có một đề nghị hơi lạ, Thượng Đế đã đồng ý. Anh ta xin tiếp, "Thưa Ngài, sau mỗi quãng đời, xin cho con được dừng lại và về gặp Ngài để hỏi một vài thắc mắc có được không?" Thượng Đế cũng tỏ vẻ vui lòng ưng thuận. Vậy là người này trở lại kiếp người.

Anh ta làm lại một câu học trò với bao bận rộn với việc học hành, nhưng cũng không ít vui chơi hồn nhiên giải trí. Nhưng khi phải vượt qua những kỳ thi, thì cậu học trò lại tỏ ra lo

sợ. Cậu ta lo sợ bị thi rớt, sợ bị điểm thấp, sợ bị chúng bạn chê cười,... Cậu ta xin dừng cuộc đời lại đó và đi hỏi Thượng Đế. "Thưa Ngài, tại sao con phải lo sợ những chuyện thi cử?" "Con lo sợ chúng vì con đã nhìn cuộc đời của con như thể chỉ có chuyện thi cử mà quên đi những chuyện khác xung quanh con." Thượng Đế trả lời.

Anh ta trở lại dương thế và tiếp tục làm người. Giai đoạn này, anh ta có người yêu, lập gia đình, có con và tưởng chừng như anh ta đã vượt qua những nỗi lo sợ của thời trẻ con. Thế nhưng, anh ta vẫn lo sợ. Anh sợ vợ anh phản bội, con anh không đủ sức khỏe, công việc làm ăn không ổn định. Anh dừng cuộc đời lại và đi hỏi thượng đế. "Thưa Ngài, dù biết rằng con đã không nhìn cuộc đời như trước đây nữa, nhưng sao con vẫn lo sợ?" Thượng Đế đáp, "Con lo sợ vì con muốn sở hữu chúng vĩnh viễn; con không muốn bị mất chúng. Con nên nhớ, điều gì con càng muốn nắm giữ, thì con càng lo sợ chúng bị mất đi."

Trở lại cuộc sống dương thế lần thứ ba, giờ đây ở tuổi cao niên, sau bao tháng ngày sợ hãi, lo lắng, ông già trông bình an và chấp nhận hơn. Ông không lo sợ bị mất vợ và lo lắng cho con cái như trước đây. Nhưng trong tâm thức ông, một nỗi lo âu, sợ hãi vẫn ám ảnh ông. Nỗi lo sợ của ông không còn là nỗi lo liên quan đến "cơm áo, gạo tiền" như trước đây, nhưng ông lại sợ bị lãng quên những công trạng của thời trai trẻ; ông lo những thành quả ông góp cho đời sẽ bị mất dấu tích. Kỳ lạ thay, ông lại lo không còn được cảm nếm những nỗi lo sợ của thời học trò, của thời thiếu niên, của người thanh niên mà ông đã trải qua. Ông quá tò mò nên quay về hỏi Thượng Đế, "Thưa Ngài, tại sao những điều lúc trước làm con lo sợ, thì bây giờ con lại sợ không còn được cảm nếm những nỗi sợ ấy nữa?" Thượng Đế đáp, "Con yêu! Chừng nào con còn sống trong quá khứ, muốn quay trở lại quá khứ; và chừng nào con còn lo nghĩ về tương lai, muốn làm chủ lấy tương lai, thì con còn sống trong sợ hãi. Cha không có quá khứ, Cha không có tương lai. Cha chỉ có hiện tại. Nơi nào không có hiện tại, nơi đó không có bình an."

* * *

Quý bạn thân mến, mẩu chuyện tưởng tượng trên cho ta thấy rằng, đời con người xem chừng như cứ bị bao trùm hết nỗi lo sợ này đến nỗi lo sợ khác: Nỗi lo sợ của đứa trẻ mới bước vào đời, nỗi lo sợ của người thanh niên về tương lai, và nỗi lo sợ của vị cao niên về quá khứ của mình bị đánh mất. Vậy nỗi lo sợ ấy đến từ đâu, và lý do gì mà ta lo sợ?

Suy gẫm thấu đáo ta có thể nhận thức rằng, hoàn cảnh "đáng sợ" không thực sự đáng sợ như ta tưởng, nhưng điều làm ta lo sợ chính là ta lo sợ điều chưa xảy ra. Chúng ta thường sợ điều chưa xảy đến hơn là điều đã xảy đến. Nếu quý bạn có dịp trò chuyện với các bệnh nhân mang những căn bệnh nan y, thì có rất nhiều người cho rằng, điều đáng sợ của họ bây giờ không phải là căn bệnh họ đang mang, mà là những điều khác. Nỗi sợ của họ bây giờ không còn là căn bệnh nữa, nhưng là sợ bị bỏ rơi, bị cô đơn, bị quên lãng, và biết bao nhiêu nỗi sợ không tên khác. Kỳ thực thay, dù ai trong chúng ta cũng đã không ít một lần bị bỏ rơi, cũng đã không ít có một lần kinh nghiệm cô đơn, và bị người đời quên lãng; biết là như thế và đã trải qua kinh nghiệm nhiều lần như thế trong đời rồi, nhưng con người vẫn lo sợ chúng; con người vẫn rối lên khi đối diện chúng.

Thưa bạn, bạn cũng như tôi đã trải nghiệm những lo sợ mà có lúc đã làm chúng ta mất ăn mất ngủ ở lứa tuổi học trò, ở tuổi xuân, ở những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất (người thân ra đi, bị tù đầy tra tấn,...). Xét cho cùng, cuối cùng nỗi lo sợ này cũng chỉ có thể thôi, có phải không? Thế thì những nỗi sợ hôm nay – giây phút này – ngay lúc này, cũng chỉ là một phần của kiếp làm người của chúng ta mà thôi. Hãy nhìn chúng như là một phần đời của chúng ta để giúp chúng ta nâng cao giá trị đời mình, chứ đừng để chúng trở thành nỗi ám ảnh bao trùm những vẻ đẹp của giây phút hiện tại.

Thưa bạn, hôm nay mục *Sống Sao Cho Đẹp* mời gọi bạn hiểu sâu hơn ý nghĩa thực của giây phút hiện tại. Vì thực ra cuộc đời của bạn chỉ có hôm nay, giây phút này chứ không phải hôm qua hay ngày mai. Và dù bạn có lo sợ điều gì lớn lao đến mấy đi chăng nữa, mỗi ngày bạn cũng phải đi qua 1440 phút. Vậy bạn muốn sở hữu 1440 khoảnh khắc bình an, tự tại hay là 1440 nỗi âu lo, sợ hãi???

Br. Huynhquảng

Mời bạn ghé thăm trang <http://brhuynhquang.org/>.

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA HÔN NHÂN (5)

VỊ TRÍ CHIẾN THUẬT CỦA NGƯỜI VỢ

Sự nghi ngờ của người phối ngẫu thường do ước muốn vô thức muốn mình có được ưu thế trên người bạn đời, là động lực chính nằm đằng sau những vấn đề nan giải không thể tránh được. Người vợ của người say rượu, đối tượng của cảm tình và sự ngưỡng mộ của công chúng đối với sự chịu đựng và trung thành của nàng, thường đã đóng góp nhiều cho hoàn cảnh gia đình hơn bất cứ người nào khác. Thường thì một người đàn bà có tham vọng và có nhiều khả năng, thích chọn một người đàn ông thiếu cương trực và dễ chao đảo. Trong khi nàng hành diện về ý hướng lèo lái và cứu chàng khỏi tình trạng khốn cùng, nàng thật ra chỉ muốn nói nhân đức của nàng đối với khuyết điểm của chàng. Loại người đàn bà này sẽ gây khó khăn cho bất cứ đàn ông nào muốn nên tốt. Chàng không có cơ hội để cạnh tranh với nhân đức gây ấn tượng của nàng, và việc phạt nàng với cách hành xử của chàng chỉ là một an ủi nho nhỏ. Chàng ít khi nhận thấy rằng bằng cách đày đoạ nàng, chàng chỉ thêm cho nàng sự vinh dự. Bà vợ của một người chồng say rượu thường là một người tử đạo đúng tiên chuẩn. Nàng càng đau khổ, càng thêm thánh thiện.

Trong tiến trình lịch sử của những hôn nhân như thế, chúng ta thấy có nhiều giai đoạn mà trong đó người vợ đã có thể ngăn chặn được người chồng khỏi vấn đề nghiện ngập. Một sự cứng rắn có thể làm cho chàng ý thức về những hậu quả của tư cách chàng chẳng hạn như mất nàng vào một lúc mà chàng vẫn còn muốn lo lắng cho nàng. Nhưng sau mỗi cuộc cãi vã, mỗi cuộc đe dọa, nàng nhượng bước, tin vào những lời hứa mà nàng thừa biết sẽ không bao giờ được giữ. Việc chữa trị người say rượu trước nhất đòi hỏi ảnh hưởng của người vợ. Sự thánh thiện của nàng và sự tệ hại của chàng gắn liền với nhau và là tiêu biểu cho sự tử đạo. Sự mất quân bình ở đây không phải chỉ là lỗi của người nam mà thôi.

Mới nghe, người ta có thể đổ lỗi những chuyện trục trặc này cho những người vợ, nhưng chúng ta hãy biết rằng mọi chuyện xảy ra đều do cả hai, không bao giờ chỉ một bên. Một cách đáng tiếc, các bà thường là những người đau khổ nhiều nhất từ sự đổ vỡ hôn nhân. Sự lệ thuộc vào sự hòa hợp của hôn nhân khiến các bà nhạy cảm hơn đối với sự hài hòa và cũng khiến cho họ cảm thấy có trách nhiệm hơn. Số phận của một cuộc hôn nhân thường tùy thuộc nhiều trên tư cách của người vợ hơn của người chồng. Trải qua nhiều thế kỷ, đàn bà được huấn luyện cho việc quản trị gia đình. Thói thú tự nhiên của họ trong việc vợ chồng có thể được khắc phục một cách dễ dàng nếu người đàn ông tỏ ra phản đối. Các bà đã và đang là một giới bị thống trị, nhưng họ lại nắm quyền ở đằng sau ngai vàng. Vị trí này đã khiến cho các bà dùng những phương pháp khác hơn là sự tấn công thẳng thừng, trực tiếp dành cho phái nam. Những đức tính nhẹ nhàng kín đáo của họ được so sánh với những nàng mèo dịu dàng, dễ thương, biết uyển chuyển để đền bù cho sự thiếu quyền lực của họ. Các ông nhảy múa trong khi các bà thổi nhạc. Điều này không có nghĩa là đàn bà không cần nhiều sự khuyến khích và sự giúp đỡ như đàn ông, nhưng bản tính đàn bà mặc khải cho chúng ta thấy nhu cầu bảo vệ của họ trong khi các ông lại không muốn như thế bởi sự tự hào của người đàn ông. Thường người đàn ông mạnh nhất thì căn bản giống như một đứa trẻ và người đàn bà yếu nhất có thể có ảnh hưởng thuyết phục của một bà mẹ.

KÍCH THÍCH NHỮNG SỞ THÍCH MỚI

Không phải là vấn đề về kỹ thuật – cách nào – mà chính là thái độ mới quyết định sự thành công hay thất bại. Tình yêu thật và sự tận hiến, lòng quý mến và kính trọng chân thành đưa đến sự thỏa mãn và tương hợp hỗ tương. Sự say mê thích thú về người bạn mình sẽ giúp nhận ra, mà không cần phải học về tâm lý, tại sao người chồng miễn cưỡng tham gia những buổi sinh hoạt tiệc trà của những người bạn. Sự mệt mỏi không phải là lý do thật. Nếu chàng thích giao tế xã hội nhiều, chàng sẽ không cảm thấy mệt mỏi. Chẳng hạn như chơi bài với các bạn có thể làm chàng có nghị lực ngay. Nhưng ngoài cái đó ra, chàng có thể cảm thấy

chán. Nhưng lý do chính yếu nằm đằng sau tất cả những cảm giác không mấy thích thú đó là vì chàng đã không được huấn luyện cho sự tham gia sinh hoạt xã hội. Có thể chàng nghĩ rằng đến với họ là một sự phung phí thời gian và không có gì gọi là một kết quả tốt đẹp từ một sinh hoạt như thế. Chàng có thể là một người theo chủ nghĩa vật chất nên chỉ xem những công việc có tính cách vật chất là những điều có giá trị trong đời. Hoặc có thể chàng muốn trỗi vượt và đã được huấn luyện kỹ lưỡng để đóng vai trò lãnh đạo trong công việc, trong gia đình với bao nhiêu người phụ tá quý mến chàng, nên chàng cảm thấy mình sẽ bị mất hút giữa một nhóm đông người thuộc những thành phần xã hội khác nhau. Không một ai sẽ chú ý đến chàng và cũng rất có thể là chàng không thể tranh với sự khéo léo về giao tế, về xã hội cũng như về khả năng của những người đó.

Một người vợ biết tế nhị, cảm thông, và nhạy cảm đối với người chồng sẽ khéo léo xếp đặt những cuộc giao tiếp xã hội như thế để những cuộc giao tế đó mang lại cho chàng một sự khuây khỏa hay một sự thỏa mãn nào đó. Nàng nên cố gắng làm hết mọi cách để giúp chàng thay đổi cái nhìn của chàng và mang lại cho chàng những giá trị mà trước đây chàng chưa khám phá ra. Thật là dễ dàng để làm cho ông chồng khám phá ra sự thú vị của một căn nhà đẹp hay của những bữa ăn được nấu nướng kỹ càng hơn là khám phá ra cái thú vị của những cuốn sách có những tư tưởng hấp dẫn khi chàng chưa từng có một cảm nghiệm gì trước đây. Một số người nghĩ rằng sở dĩ chàng chưa thưởng thức được những thú vị mà người vợ thích thú là vì chàng chưa làm quen được. Có thể chàng đã ăn, nhưng chưa quen được với những món ăn ngon mà người vợ nấu nướng. Có thể chàng đã đọc sách, nhưng không hẳn là đọc những sách có những tư tưởng hấp dẫn. Cũng có thể là chàng đã nghe nhạc nhưng không hẳn là được nghe những nhạc hay. Chúng ta phải học thưởng thức nhạc hay mà người vợ thích, loại thức ăn mà bà vợ nấu, những cuốn sách mà nàng ngưỡng mộ.

Trong trường hợp này, điều quan trọng là người vợ muốn rằng người chồng phải nhận ra giá trị của việc nàng nấu nướng vì sự nhận biết như thế làm gia tăng giá trị của nàng. Nếu nàng thật sự muốn chàng thích đọc những cuốn sách hay, nàng có thể yêu cầu chàng cho thấy cái nhìn của chàng để bổ túc cho cái nhìn riêng của nàng. Một cách căn bản, sự yêu cầu của nàng phải thành thật và phải kính trọng cái nhìn của chàng. Thoạt đầu, cái gì mới thì vô vị, đôi khi còn có cảm giác là lạ lùng và lẫn lộn. Nói chung, vị giác thường bị ảnh hưởng bởi những kinh nghiệm được lập đi lập lại nhiều lần hay bởi được huấn luyện. Trong lúc giới thiệu một vài kinh nghiệm mới cho bất cứ ai, nếu không ý tứ, thay vì làm cho người ta cảm thấy hấp dẫn, bấy giờ sẽ làm cho họ cảm thấy chán nản và thất vọng để rồi chúng ta phải tốn mất nhiều thời gian để thuyết phục. Một người vợ muốn chồng đi thưởng thức hòa nhạc khi chàng không hiểu nhạc cổ điển là gì thì phải đi từng bước một. Nàng phải cẩn thận chọn chương trình và cũng phải xem một vài màn phụ xen kẽ vào đó nữa. Không nên khó và cũng không nên quá lâu để chàng còn thích thú đi kèm bà vợ và cũng để chàng thưởng thức được cái mà nàng thích thú. Nhưng có quá nhiều bà đã làm mất đi những cơ hội tốt đó chỉ vì họ đã làm cho các ông cảm thấy xấu hổ bởi cái nhìn của họ coi thể giới công việc của các ông như một cái gì thấp kém. Họ tỏ ra khó chịu đối với sự kháng cự của chàng khi thấy chàng có phản ứng ngược lại với những giá trị văn hóa cao hơn. Thay vì cảm thông với những khó khăn mà một người đàn ông cần phải thắng vượt, họ tỏ ra giận dữ với sự do dự và lo lắng của chàng. Lẽ ra một cuộc giải trí như vậy phải là nguồn của sự thích thú với nhau lại trở nên nguyên nhân của sự giao tranh, một bốn phận không vui thích cho phía bên này và một quyền lợi bị tước đoạt cho phía bên kia.

Mặc dầu thường là người vợ cố gắng lôi kéo người chồng, nhưng cũng có những trường hợp người đàn ông là người thích thú hơn trong vấn đề nghệ thuật, văn hóa. Đối với những người này, trong hết mọi trường hợp, chàng muốn vợ mình chia sẻ sự thích thú của chàng mà rất có thể là cái gì mới mẻ đối với chàng. Như một định luật tự nhiên, các bà ít có sự khó khăn với việc chìm đắm trong sự thích thú và sinh hoạt của chồng nếu so sánh với đàn ông. Một khi người đàn bà đã thích một người đàn ông, nàng cảm thấy không có gì đe dọa đối với tiếng tăm của nàng trong việc tuân theo sự dẫn dắt của chàng ngay cả đi vào trong lãnh vực xem ra thuộc đàn ông như thể thao, thể dục. Chỉ nếu những trò giải trí của chàng không cho phép nàng tham dự và chia sẻ sự thích thú của chàng chẳng hạn như làm thợ mộc, đắp tượng, thu thập tem...chắc chắn nàng không thích tham dự những sinh hoạt giải trí đó.

Nơi nào không có người bạn phối ngẫu can thiệp vào, nơi đó mỗi người cho thấy sự chịu đựng và cảm thông, mỗi người có thể hưởng thụ sự thích thú mà người kia không muốn hoặc không thể chia sẻ. Vì thế, sự hiện diện của những sở thích đối nghịch không là nguyên nhân của sự chán nản, thất vọng nhưng là kết quả của sự thiếu cộng tác và của sự không còn

thích thú lẫn nhau. Thật vậy, những sở thích trong cùng lãnh vực cũng như trong công việc chung cũng có thể có nhiều cơ hội cho sự đụng chạm và căng thẳng, đặc biệt nếu sự cạnh tranh phát triển. Một cặp vợ chồng cưới nhau và chung sống với nhau một cách hạnh phúc luôn cố gắng phát triển những sở thích giống nhau trong cuộc sống chung. Những kinh nghiệm được chia sẻ của họ, sự xoay chuyển của những biến cố, những ấn tượng vui cũng như buồn, những lo âu cũng như thỏa mãn là những nối kết mạnh mẽ mà cuối cùng trong tuổi già không chỉ khiến họ hành động mà còn ngay cả xem ra giống nhau nữa. Làm cùng một khối giống nhau như thế là kết quả của một cái gì khác hơn là tập quán. Nó rộng lớn hơn và sâu xa hơn. Nó trở thành cái thói quen thích hoặc không thích những cái giống nhau có liên quan đến cuộc sống trong những vấn đề lớn cũng như chuyện nhỏ hầu như với một cái nhìn giống nhau. Sự phát triển những sở thích giống nhau là tự nhiên nhưng nó ám chỉ những cố gắng thật để loại bỏ những đối nghịch có thể xen vào và tạo cho thời gian nhàn rỗi của họ một cảm nghiệm thích thú cho cả hai bên.

Một ví dụ tiêu biểu về những sở thích trái ngược và kết quả tai hại trên sự hài hòa hôn nhân là trường hợp của cô Nguyễn thi huyền Linh. Cô H. Linh là một thiếu phụ trẻ với những sở thích rộng rãi và tự do. Cô lấy ông anh của người bạn gái của cô. Trong lúc cô và bạn cô rất phù hợp với nhau trong những sở thích, cô mong người anh của bạn cô cũng giống như thế. Sau thời gian tán tỉnh, chàng rất để ý chia sẻ những sinh hoạt của nàng. Họ lấy nhau trong khi chàng còn ở trong quân ngũ, không lâu trước khi chàng đi công tác ở hải ngoại. Khi chàng trở lại, họ rất là thắm thiết với nhau nhưng rồi sau đó sự chán nản bắt đầu. Nàng khám phá ra chàng không thích nhạc cổ điển, chỉ thích ánh đèn của sân khấu tân nhạc. Về chính trị thì chàng có quan niệm đối nghịch với quan niệm của gia đình. Cô cảm thấy mình bị lừa và thấy thương đau. Nàng càng phê bình và chỉ trích chàng về việc miễn cưỡng đi tham dự hòa nhạc, chàng càng giữ vững lập trường. Những tranh cãi và va chạm đã ảnh hưởng liên hệ vợ chồng. Nàng mất đi sự thích thú trong việc liên hệ vợ chồng, chàng càng đòi hỏi. Nàng cảm thấy bị lạm dụng và ngưng đáp trả. Vào lúc này, nàng đi bác sĩ tâm lý để xin giúp ý kiến và nàng đã bắt đầu muốn tham khảo vấn đề ly dị.

Sau khi lắng nghe tất cả những than phiền của cô ta, tôi đề nghị gặp cả hai bên. Sau đó có sự hội ngộ ba chiều. Rõ ràng là chàng rất yêu nàng. Chàng rất là vui vẻ, phấn khởi, và hạnh phúc nhưng không hiểu tại sao nàng lại không? Chàng tỏ ra làm bất cứ điều gì cần thiết nhưng nàng vẫn giữ vững lập trường. Chàng cũng đã hứa hợp tác nhưng rồi lại không làm. Chàng chấp nhận là chàng không biết tại sao lại không thể bỏ những chuyện đã làm cho nàng sinh ra hận thù, và tại sao dẫu chàng muốn phù hợp với những ước nguyện của nàng, chàng lại không muốn làm như thế. Rõ ràng là nàng hoàn toàn đúng trong những phản nản của nàng. Trên bề mặt lý luận, chàng quả thật là sai. Nhưng xét về tâm lý, nàng chính là nguyên nhân của những xung khắc. Sự giận dữ, áp lực, và bất đồng là những nguyên nhân thật của sự xung đột và làm nguy hại cuộc hôn nhân. Trong khi nàng là người quan trọng, là tất cả số phận của hôn nhân tùy thuộc vào thái độ của nàng vì chàng muốn kết hợp với nàng. Tôi quyết định và đề nghị chính nàng là người cần nên được giúp đỡ về phương diện tâm lý.

Sau một vài lần gặp gỡ, tình thế thay đổi hẳn. Nàng nhận ra được điều đó nên nàng đã không còn giận dữ và khiêu khích nữa. Hậu quả thấy ngay trong tương quan giữa họ tiến triển tức thời. Họ xem ra thân thiết và yêu đương trở lại. Cuộc sống vợ chồng bình thường và người chồng cũng bình thường trở lại. Từ đó nàng học cách đối đãi với chồng trong một cách thể khác biệt. Nàng nhận ra nàng có thể cảm thông được những khó khăn của chàng trong việc phải ngồi suốt chương trình nặng nề khi phải đi dự buổi hòa nhạc. Trong vấn đề chính trị, nàng có thể bảo chàng bày tỏ quan điểm riêng, biết quý trọng việc nàng có thêm một quan điểm từ phía đối phương, thay vì khiển trách chàng vì quan điểm khác biệt của chàng. Nàng nhận ra rằng trong khi nàng tố cáo chàng về thái độ thiếu dân chủ, thái độ của nàng về sự thiếu kiên nhẫn đối với quan điểm chính trị của chàng có thể không được xem là dân chủ. Với thái độ trọng kính về phía nàng, có thể mong đợi rằng những ý kiến và khẩu vị riêng của chàng sẽ dần dần làm quen với nàng và cả hai sẽ xích lại gần hơn vì sự bất đồng bạo động và mạt lý của nàng là lý do chính khiến chàng giữ thế đối nghịch chỉ vì muốn giữ thể diện và sự tự trọng của chàng.

Yếu tố quyết định trong việc hồi phục hôn nhân này là sự nhận thức ra rằng lý luận đúng thì không đủ, và rằng nàng phải chấp nhận con người chàng nữa và cũng phải bắt đầu quan tâm những điều mà nàng có thể làm được.

NGƯỜI TÍN HỮU GIÁO DÂN, CHỨNG NHÂN PHÚC ÂM VÀ THĂNG TIẾN CON NGƯỜI

NGUYỄN HỌC TẬP

I - Vai trò không thể thay thế của người tín hữu giáo dân.

1 - Đức Giáo Hoàng Gioan Pholô II trong phần đầu của Tông Điệp " *Người tín hữu giáo dân*" (*Christifideles laici*) đã đề cập đến vai trò không thể thay thế của người tín hữu giáo dân trong các lãnh vực trần thế như sau:

- " *Trong thời điểm huy hoàng và thảm đạm này của lịch sử, trước ngàn năm thứ ba đang đến, những hoàn cảnh mới, đối với Giáo Hội cũng như xã hội, chính trị và kinh tế, hiện nay đòi buộc với một động lực đặc biệt tác động của các người tín hữu giáo dân. Nếu thái độ đứng đưng buồn trôi lúc nào cũng có thể bị coi là cách hành xử không thể chấp nhận được, thì trước thời điểm hiện tại thái độ đó là thái độ tội phạm. Không ai được phép ăn không ngồi rồi phủ tay, điềm nhiên tọa thị* " (Gioan Phaolô II, *Christifideles laici* (30.12.1988), n. 3).

Giải thích một cách nôm na câu văn vừa kể của Thông Điệp:

- người tín hữu giáo dân trưởng thành cần phải dẫn thân rao giảng Phúc Âm
- và đem phục vụ Ki Tô giáo vào trần thế.

Nói cách khác, không có người tín hữu giáo dân trưởng thành và dẫn thân, hiện nay Giáo Hội không thể hiện diện được giữa trần thế các động tác để chu toàn sứ mạng rao giảng Phúc Âm của mình.

Nói như vậy không có nghĩa là từ nay Giáo Hội có thể rao giảng Phúc Âm không cần có hàng giáo phẩm, mà là một nhận thức đức tin trưởng thành để truyền bá Phúc Âm trong môi trường đổi mới của thế giới hiện tại.

Nhận thức trên nói lên xác tín của mọi thành phần Giáo Hội đều đều có bốn phận

- " *tham dự vào lãnh vực trần thế, là phận vụ phát xuất từ bản tính nội tại và sứ mạng của mình*" (*G. Phaolô II, Christifideles laici*, n. 15).

Điều vừa kể về bốn phận hiện diện giữa trần thế của Giáo Hội đưa đến một kết luận quan trọng:

- trần thế không phải là nơi lưu đầy cần phải thoát ly, vượt ngục, trốn chạy,
- mà là một " *không gian thần học*", nơi mà mọi tín hữu Chúa Ki Tô đều được mời gọi sống và tác động ở đó để rao giảng và nhân chứng cho ơn cứu rỗi của Chúa Ki Tô.

Người tín hữu giáo dân có bốn phận đặc biệt trong phận vụ tác động đó của cả Giáo Hội:

- " *Hình ảnh Phúc Âm về muối, ánh sáng và men bột, mặc dầu liên hệ đến bất cứ thành phần nào đối các môn đệ Chúa Giêsu, nhưng nói lên ý nghĩa áp dụng cá biệt đối với người tín hữu giáo dân. Đó là những hình ảnh mang những ý nghĩa huy hoàng, bởi vì nói lên không những người tín hữu giáo dân là những người được hội nhập sâu đậm vào đất đai, vào trần thế, vào cộng đồng nhân loại, mà còn và nhất là nói lên điều mới mẻ và đặc sắc của cộng cuộc hội nhập và tham dự của họ để phổ biến Phúc Âm cứu rỗi* " (*G. Phaolô II, Christifideles laici*, n. 15).

Người tín hữu giáo dân, mặc dầu với *đặc tính trần thế của mình* (*Gioan XXIII, Mater et Magistra*, n. 239), không phải là một cơ thể tách biệt, một tế bào lơ lửng trôi đó, trôi dạt trong cơ quan thân thể Giáo Hội.

Người tín hữu giáo dân không nhận lãnh lệnh dẫn thân phục vụ xã hội và chính trị do Giám Mục hay Cha Sở " *ủy thác*" cho, mà lãnh nhận sứ mạng trực tiếp từ Chúa Giêsu trong Phép Rửa.

Ơn gọi sống và tác động giữa trần thế của họ là ơn gọi bẩm sinh, được củng cố thêm bằng Phép Thêm Sức và mỗi ngày lớn lên bằng Phép Thánh Thể, đặt người tín hữu giáo dân có địa vị và quyền đầy đủ trong cộng đồng Giáo Hội.

Trong mỗi hiệp thông giữa các thành phần trong cộng đồng Giáo Hội với nhau, không có sự phân biệt về địa vị và trách nhiệm đối với sứ mạng chung của Giáo Hội:

" Một vài thành phần do ý muốn của Chúa Giêsu được thiết lập thành tiền sĩ, kẻ khác phân phát các Bí Tích , cũng như mục tử cho người khác, nhưng vẫn luôn hiện hữu quyền bình đẳng về địa vị và động tác chung đối với mọi tín hữu trong việc xây dựng thân thể Chúa Ki Tô" (Lumen Gentium, n. 32).

2 - Trở lại vai trò của người tín hữu giáo dân, chúng ta thấy được họ là những người có vai trò " *tổng hợp*".

Trước hết, trong cuộc sống cá nhân của mình, người tín hữu giáo dân là người tổng hợp giữa đức tin và cuộc sống lịch sử trần thế, giữa đức tin và văn hoá, giữa đức tin và chính trị, mà chính Giáo Hội cũng phải hành xử tương tự để có thể " *hiện diện*" rao giảng Phúc Âm giữa trần thế.

" Nhân chứng huy hoàng và có sức thuyết phục của sức mạnh có khả năng chuyển đổi của Phúc Âm là sự tổng hợp sống động mà người tín hữu giáo dân biết thực hiện giữa Phúc Âm và cuộc sống thường nhật " (G. Phaolô II, Christifideles laici, n. 34).

Cũng vậy nhân chứng có khả năng thuyết phục của một nền văn minh mới mẻ đặt nền móng trên tình thương mà Giáo Hội có thể thực hiện được là

- khả năng tổng hợp giữa Lời Chúa và cuộc sống,
- giữa rao giảng Phúc Âm và thăng tiến con người,
- giữa tình thương đối với Chúa và phục vụ anh em.

Bốn phận không ai có thể thay thế được đó là bốn phận của người tín hữu giáo dân, đem ra thực hành những gì hàm chứa trong huấn vụ xã hội của Giáo Hội.

Chỉ có thể qua người tín hữu giáo dân, mà Giáo Hội hiện diện được đầy đủ và hiệu nghiệm nơi trong các lãnh vực trần thế, và thực hiện được trung thành sứ mạng mà Chúa Giêsu đã ủy thác cho, khi Người lập Giáo Hội: **loan báo và thực hiện ơn cứu rỗi bằng rao giảng Phúc Âm và thăng tiến con người.**

II - Vai trò người tín hữu giáo dân trong chính trị.

a) Chưa bao giờ Giáo Hội nhấn mạnh đến việc người tín hữu giáo dân cần thiết phải hiện diện và hiện diện năng động, kể cả chủ động, trong lãnh vực xã hội và chính trị như hiện nay.

Giáo Hội luôn luôn nhắc đi nhắc lại và nói một cách rõ ràng việc cần thiết người tín hữu giáo dân trung thực biến đổi, chuyển hóa các nội dung huấn dụ xã hội, mà Giáo Hội đã liên tục huấn dạy trên 100 năm nay, thành thực hành, biến xã hội con người đang sống thành tổ chức một " **xã hội tình thương**".

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã khuyến khích người tín hữu giáo dân phải hiện diện tích cực, năng động và chủ động trong lãnh vực xã hội và chính trị, ngay cả việc dẫn thân vào các lãnh vực vừa kể, lãnh vực của những ai hành xử công quyền, có thể là môi trường và cơ hội cho nhiều nguy hiểm lệch lạc luân lý:

- " *Người tín hữu giáo dân không thể vắng bóng trong việc tham dự vào chính trị (...). Những tố cáo cho rằng làm chính trị làm để được thành đạt, lấy quyền bính làm thần*

tượng, là môi trường đầy tham nhũng (...) hay ngay cả ý kiến cho rằng (...) chính trị là môi trường chắc chắn sẽ đưa đến nguy hiểm luân lý. Tất cả những suy nghĩ đó không cách gì có thể biện minh cho tâm trạng tiêu cực, cũng như cho "thối thoát vắng bóng" của người tín hữu Chúa Ki Tô trong công việc chung" (G. Phaolô II, Christifideles laici, n. 42).

Lý do tại sao Giáo Hội luôn luôn mời gọi khẩn thiết và nhấn mạnh sự hiện diện không thể thiếu của người tín hữu giáo dân trong chính trị?

a) Chuỗi thứ nhứt của các lý do, đó là những thay đổi sâu đậm về xã hội trong thời đại chúng ta.

Những cuộc thay đổi và khủng hoảng của thế giới hiện đại trực tiếp kêu cứu đến Giáo Hội và đến suy tư và động tác của các tín hữu trong Giáo Hội.

Công Đồng Vatican II đã nhiều lần nhấn mạnh đến ảnh hưởng của Giáo Hội liên quan đến các hoàn cảnh lịch sử và đến các biến chuyển xã hội ,văn hoá:

- "*Giáo Hội cùng bước đi với cả nhân loại và có kinh nghiệm cùng chung số phận với thế giới"* (Gaudium et Spes, n. 41).

Bức tường Bá Linh đã sụp đổ, đánh dấu biến cố phá sản của ý thức hệ không tưởng và phi nhân cuối cùng còn sót lại của thế kỷ 18. vừa báo động cho chúng ta biết những thử thách luân lý của thế kỷ 20 mà chúng ta còn đang nắm trong tay.

Giải quyết vấn đề, liên quan đến một tương lai tươi đẹp hơn cho nhân loại, hệ tại ở việc chuyên cần, dẫn thân canh tân hoá xã hội và chính trị, có khả năng giải đáp thoả đáng các liên quan luân lý của những khúc mắc cần được giải quyết.

Hiện nay không ai còn ngây thơ cho rằng một xã hội lý tưởng mới được phát sinh chỉ là kết quả của phương thức tổ chức hiệu năng và hữu hiệu kinh tế, luật pháp hay quân sự.

Tất cả chúng ta đều xác tín rằng, tương lai ngày mai sẽ sáng lạng hơn, cùng chung với việc thay đổi và thích hợp hơn các phương thức cấu trúc cho cuộc sống chung, nếu chúng ta thực hiện được những thay đổi về *tâm thức và lối sống*, được hướng dẫn bằng những thay đổi *theo những giá trị chính xác luân lý và tôn giáo*.

Nhìn lại thế kỷ 20 vừa qua đi, chúng ta thấy những gì đã xảy ra, chứng thực một cách thâm đậm và chính xác những gì Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã tuyên đoán:

- "*Con người chỉ có thể thực hiện được chính mình, bằng cách siêu nhiên hoá chính mình(se transcendendum)... Dĩ nhiên, con người có thể tổ chức cuộc sống trần gian không cần có Chúa, nhưng không có Chúa, thế nào rồi con người cũng sẽ tổ chức cuộc sống làm hại cho chính mình"* (Paolo VI, *Populorum progressio*, n. 42).

Giữa cơn khủng hoảng siêu nhiên và luân lý như vừa kể của cuộc sống xã hội hiện tại, làm sao người tín hữu Chúa Ki Tô lại có thể vắng bóng được?

b) Giáo Hội đã trưởng thành - nhứt là nhờ Công Đồng Vatican II - ý thức hơn về các liên hệ của sứ mạng truyền giáo của mình, sứ mạng rao giảng Phúc Âm mà mình có bốn phận đem đến cho con người liên hệ và hàm chứa bốn phận, ánh sáng và sức mạnh có thể góp phần để làm cho sinh trưởng ra **một xã hội mới, công bằng hơn, thân hữu và liên đới hỗ tương hơn, yêu thương hơn cho cộng đồng nhân loại**.

Ý thức hơn về sứ mạng của mình và về mối liên quan nội tại giữa rao giảng Phúc Âm và thăng tiến con người, nói lên một chuỗi các nguyên cơ khác, khiến Giáo Hội hôm nay xác nhận rằng mình có *quyền và bốn phận hiện diện trong xã hội con người*.

Góp phần **xây dựng một xã hội nhân bản hơn, liên đới thân hữu hỗ tương hơn** là phần thiết yếu của chính sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội.

Bởi đó càng lúc càng thường xuyên hơn,

- không những Giáo Hội cho biết lý do về việc huấn dạy, đưa ra các chỉ thị liên quan đến khuôn mẫu xây dựng một xã hội nhân bản, xứng đáng với nhân phẩm con người, con Thiên Chúa của mình,

- mà còn đưa ra những tiêu chuẩn phải có cho việc kiến tạo và thực thi xã hội lý tưởng đó.

Qua những gì vừa kể, các tiêu chuẩn mà Giáo Hội đưa ra liên quan đến việc tổ chức một xã hội tốt đẹp hơn cho con người gồm hai lãnh vực:

+) *Việc lựa chọn đường lối xã hội- chính trị của người tín hữu giáo dân:*

" *Người tín hữu giáo dân có bốn phận làm cho Giáo Hội thể hiện và năng động tích cực ở những nơi và trong những trường hợp, trong đó Giáo Hội không có cách nào trở thành muối cho thế gian, nếu không phải là qua chính họ*" (Lumen Gentium, n.33), nghĩa là trong những lãnh vực trần thế, để chia xẻ số phận và các vấn đề của người nghèo, của kẻ bị loại ra bên lề xã hội, trong các hoàn cảnh tương phản và tranh chấp xã hội, trong lãnh vực việc làm, trong gia đình, học đường, nghề nghiệp.

+) *Việc lựa chọn có tính cách tôn giáo, của cộng đồng Giáo Hội:*

Chính việc lựa chọn tính cách tôn giáo của cộng đồng Giáo Hội là hình thức hiện diện thứ hai trong xã hội của Giáo Hội, hiện diện qua những ơn gọi được mời gọi trở thành thừa tác viên, đáp ứng lại ơn kêu gọi của mình.

Ơn gọi sống đời người tín hữu giáo dân và ơn gọi chủ chăn, thừa tác viên qua phép truyền chức, không phải là hai lối chọn lựa trái ngược nhau, cho bằng là hai cách sống bổ túc cho nhau.

Như mọi nỗ lực rao giảng Phúc Âm cần được thể hiện bằng động tác phục vụ biến cải xã hội thành xã hội xứng đáng với nhân phẩm con người,

cũng vậy mọi cuộc dẫn thân chuyên cần để thăng tiến con người, phục vụ dưới ánh sáng Phúc Âm, luôn luôn biến thành động tác rao giảng Phúc Âm:

- "*Hành động vì công lý và tham gia cải tiến thế gian đều thể hiện rõ rệt cho chúng ta chiều hướng cấu trúc cho việc rao giảng Phúc Âm, nghĩa là sứ mạng của Giáo Hội đem ơn cứu rỗi đến cho nhân loại và giải phóng con người khỏi mọi trạng thái áp bức*" (Sinodo 1971, Documento sulla giustizia nel mondo, Introduzione, in EV IV/1243).

Qua những tư tưởng dẫn nhập vừa được đề cập, lịch sử và thần học, Giáo Hội có thể rút ra những lý do chính cho việc nhấn mạnh mời gọi người tín hữu giáo dân dẫn thân vào các lãnh vực xã hội, nhất là lãnh vực chính trị.

III - A - Tâm vóc quan trọng của chính trị.

Có hai lý do thúc đẩy Giáo Hội nhấn mạnh đến bốn phận của người tín hữu giáo dân tích cực dẫn thân vào chính trị:

a) Lý do thứ nhất được đặt nền tảng trên vai trò quyết định của chính trị đến đời sống cá nhân và xã hội của con người, mặc cho những bất toàn và giới hạn của nó.

Ai trong chúng ta cũng có kinh nghiệm trên bản thân những quyết định chính trị liên quan đến mình, ảnh hưởng đến đời sống cá nhân và xã hội của mình?

- Việc tăng thuế trên giá xăng dầu,
- tăng hay giảm thuế trị giá gia tăng của các sản phẩm nhu yếu,
- tăng giá phiếu khám sức khoẻ mỗi khi vào bệnh viện,
- tăng thêm hay giảm lệ phí học đường đối với con em, tùy theo lợi tức của phụ huynh,
- tăng thêm mức tuổi tối thiểu để được về hưu...

Đó là gì, nếu không phải là những quyết định chính trị, đụng chạm thẳng đến mức sống

và túi tiền của chúng ta?

Đó là chưa kể nên đánh hay làm hoà với Cambodia, Ký thoả ước thương mại với Hoa Kỳ và Tây Âu hay với Trung Cộng?

b) Lý do kể đến có tính cách thần học: chính trị có nguồn gốc căn nguyên được đặt trên bản thể con người và cuộc sống xã hội của con người.

Nói cách khác, chính trị được đặt nền tảng trên chính bản thể con người, trên những gì Chúa muốn cho cách sống của con người, khi Ngài dựng nên con người:

- "*Dĩ nhiên là cộng đồng chính trị và công quyền có nền tảng của chúng được đặt trong bản tính của con người và do đó thuộc về trật tự đã được Chúa thiết lập*" (Gaudium et Spes, n.74).

Như vậy chính trị, nếu được tổ chức và sống hành xử một cách chính đáng phải có, trong tinh thần phục vụ, thành tín và tương ứng với khả năng, là một trong những hoạt động quan trọng nhất.

Bởi vì chính trị ảnh hưởng một cách quyết định đến cuộc sống con người và liên hệ đến các khía cạnh nền tảng của đời sống cá nhân và chung sống xã hội: gia đình, việc làm, sức khoẻ, học đường, nhà cửa và cả đến việc bảo vệ các quyền bất khả xâm phạm của con người.

Hơn nữa, nhiều quyết định chính trị ảnh hưởng quan trọng đến các thể hệ tương lai và đến vận mệnh của nhân loại, nhất là trong viễn ảnh liên hệ toàn cầu hoá của thế giới hiện tại của chúng ta.

Còn nữa, sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, cuộc chống đối giữa ý thức hệ Cộng Sản và không Cộng Sản không còn nữa, ít nhất là đối với những Quốc Gia Tây Âu.

Nhưng một khi cuộc những cuộc chạm trán ý thức hệ không còn, xã hội dễ trở thành xã hội đa nguyên và nếu xã hội đa nguyên không có được những giá trị cố định về con người hướng dẫn, xã hội sẽ trở thành bất định và dễ băng hoại.

Người tín hữu Chúa Ki Tô là những người mang trong mình giá trị cao cả về địa vị con người, có thể góp phần quan trọng định hướng cho xã hội.

B - Thăng tiến con người là yếu tố thiết yếu của sứ điệp Phúc Âm.

Và đây là những gì chúng ta biết được về đề tài đang bàn qua các *Văn Bản Tổng Kết (Compendio)* về *Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội*:

N. 66: *Huấn dụ xã hội là phần thiết yếu của chức năng rao giảng Phúc Âm của Giáo Hội.*

Tất cả những gì có liên quan đến cộng đồng con người, đến các hoàn cảnh và vấn đề liên quan đến công lý, giải thoát, phát triển, liên hệ giữa các dân tộc, hoà bình, không phải là những gì ngoại tại không liên quan gì đến rao giảng Phúc Âm. Và việc rao giảng Phúc Âm sẽ không đầy đủ, nếu lời kêu gọi vẫn tiếp tục không liên kết nhau giữa Phúc Âm và đời sống thực tế, cá nhân và xã hội của con người.

Giữa rao giảng Phúc Âm và thăng tiến con người có những mối liên hệ sâu đậm:

- *Các mối liên hệ trên bình diện nhân loại, bởi vì con người được Phúc Âm rao giảng cho không phải là một con người trừu tượng, mà là con người với các điều kiện xã hội và kinh tế thiết thực của mình.*

- *Các mối liên hệ trên bình diện thần học, bởi vì không ai có thể tách rời chương trình tạo dựng ra khỏi chương trình cứu rỗi được. Bởi lẽ chương trình cứu rỗi liên hệ đến cả những hoàn cảnh thực tại bất công cần phá đổ và hoàn cảnh thực tại công bình cần được xây dựng.*

- *Các mối liên hệ đặc biệt trên bình diện Phúc Âm, đó là mối liên hệ đến bác ái: thật vậy, làm sao có thể tuyên bố một điều răn mới, mà không thăng tiến công lý và hoà bình thực sự, thăng tiến thực sự làm cho con người được triển nở hoàn hảo" (Phaolô VI, Evangelium*

nuntiandi, n.31).

N. 67:" *Huấn dụ xã hội của Giáo Hội tự mình đã có giá trị là một dụng cụ để loan truyền Phúc Âm*" (G. Phaolô II, Christifideles laici, n. 31).

Và huấn dụ xã hội của Giáo Hội luôn luôn được phát triển và canh tân giữa sứ điệp Phúc Âm và lịch sử con người.

Hiểu như vậy, chúng ta hiểu được huấn dụ xã hội của Giáo Hội là phương thức đặc biệt để thực thi phận vụ rao giảng lời Chúa và phận vụ ngôn sứ:

- "*Đối với Giáo Hội, huấn dạy và phổ biến huấn dụ xã hội thuộc về sứ mạng rao giảng Phúc Âm của mình và là phần chính yếu của sứ điệp Ki Tô giáo, bởi vì các huấn dụ đó củng cố cho con người những hệ trọng trực tiếp đến cuộc sống xã hội, đặt khuôn viên cho các động tác thường nhật và chiến đấu cho công chính bằng nhân chứng rằng Chúa Ki Tô là Đấng Cứu Thế*" (G. Phaolô II, Christifideles laici, II, n. 5).

Như vậy huấn dụ xã hội của giáo hội không phải là một lợi điểm hay hành động ngoại vi, thêm vào sứ mạng của Giáo Hội, mà chính là trung tâm điểm của phận vụ.

Qua huấn dụ xã hội,

" *Giáo Hội loan báo Thiên Chúa và mẫu nhiệm cứu rỗi của Chúa Giêsu cho mỗi con người, và đồng thời cũng mạc khải chính con người cho con người*" (id., n. 54). (Pontificio Consiglio della Giustizia e della Pace, Compendio della Dottrina Sociale della Chiesa, Libreria Editrice Vaticana, Città del Vaticano, 2004, 35-36).

Và phận vụ đó của Giáo Hội, được thực thi không những bằng lời rao giảng, mà còn bằng cả nhân chứng.

Thượng Hội Đồng các Giám Mục năm 1987 về "*Ơn kêu gọi và sứ mạng của người tín hữu giáo dân trong Giáo Hội và giữa trần thế*", lấy lại đề tài vừa đề cập đến, được Công Đồng Vatican II đưa ra ánh sáng và được Thượng Hội Đồng năm 1971 xác nhận, trong lời kêu gọi cuối cùng như sau:

- "*Việc dẫn thân vào động tác xã hội - chính trị của người tín hữu giáo dân, có nguồn gốc từ đức tin của họ, bởi vì đức tin soi sáng toàn vẹn con người và đời sống (...). Bởi đó muốn sống chính trực đời sống đức tin và đời sống thường nhật của mình, cách sống đó phải được đi đôi với việc dẫn thân của người tín hữu giáo dân vào lãnh vực công cộng, vào việc họ tham dự vào các cơ chế chính trị và xã hội, cũng như góp phần vào cuộc sống thường nhật để thấm nhuần các cấu trúc và hoạt động trần thế bằng ánh sáng Phúc Âm*" (Sinodo 1987, Vocazione e missione dei laici nella Chiesa e nel mondo, Appello finale, . 10, in EV X/2230).

Thăng tiến con người và rao giảng Phúc Âm liên hệ chặt chẽ với nhau.

Do đó, không thể có một cuộc rao giảng Phúc Âm thực sự với ý nghĩa đầy đủ phải có, nếu không tạo được tiến bộ xã hội và thăng tiến con người.

Thật vậy, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã xác quyết với chúng ta:

" *Con người là con đường tiên khởi và căn bản của Giáo Hội, con người được hiểu theo chân lý trọn vẹn việc hiện hữu của mình, của cá nhân con người mình và của những gì liên hệ đến thực thể cộng đồng và xã hội của mình*" (Gioan Phaolô II, Redemptor hominis, n. 14, in EV VI/1209).

Rao giảng Phúc Âm

- không chỉ có nghĩa là loan báo minh bạch sứ điệp Ki Tô giáo,
- mà đồng thời còn có nghĩa là soi sáng lương tâm và trí não bằng ánh sáng Phúc Âm,
- thông truyền cho con người nghị lực và phương thế có tính cách luân lý - tôn giáo, mặc dầu là nghị lực và phương thế có tính cách siêu nhiên, có khả năng định hướng các lựa chọn trần thế, văn hóa, xã hội, chính trị, kinh tế, để góp phần quan trọng xây dựng một cuộc sống xứng đáng với con người hơn, công chính hơn.

Điều vừa kể giải thích tại sao Lời Chúa, cần phải được " *hội nhập văn hoá* ", nếu muốn được mọi người hiểu rõ và tự do đón nhận.

" *Hội nhập văn hóa* " là Lời Chúa phải được diễn dịch thành những giá trị, tư tưởng, ngôn ngữ và phong tục tập quán của mỗi dân tộc.

Và như vậy, một khi được tự do đón nhận, Lời Chúa có thể định hướng, qua tiến trình trung gian điều giải chính trị, nền tảng cấu trúc và cơ chế Quốc Gia.

Không thể rao giảng loan báo và sống Phúc Âm trong các hoàn cảnh lịch sử khác nhau, nếu chúng ta không thay đổi và cải thiện được thể giới con người, dĩ nhiên là cải thiện cả đường lối chính trị.

- Người công nhân hay chủ nhân hành động như là người tín hữu Chúa Ki Tô trong lãnh vực mình, thay đổi và cải thiện hoá thể giới làm việc.

- Học sinh, sinh viên và giáo chức sống sứ mạng học đường như là bốn phận phải có của người tín hữu Chúa Ki Tô, họ thay đổi và cải thiện hóa thể giới học đường.

- Nhà chính trị tác động lãnh vực chính trị, như là bốn phận phải có của người tín hữu Chúa Ki Tô, nhà chính trị thay đổi và cải thiện hóa thể giới chính trị.

VỀ MỤC LỤC

Vài trở ngại và cách ứng phó trong việc cầu nguyện

[BẢN THẢO]

LINH MỤC GIÁO PHẬN SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

TRONG BỐI CẢNH THỰC TẾ CỦA GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HÔM NAY

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

CHƯƠNG BA

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN

tiếp theo

A.3 Vài trở ngại và cách ứng phó trong việc cầu nguyện

A.3.1 Vấn đề lo ra, chia trí

Một vấn đề thường được đặt ra là con người chúng ta hay bị chia lòng chia trí trong khi cầu nguyện. Tại sao? Vì sự yếu đuối và những hoài niệm nhỏ nhen về những tổn thương mà con người gây nên cho nhau trong đời sống chung ("*Miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ hoài*") hay những đam mê sắc dục kích thích do phim ảnh, quan hệ, do cả trí tưởng tượng vẽ vời; và do ma quỷ ghen tương phá hoại (không ăn được thì đập đổ). Luxifer, vốn là thiên thần ánh sáng, phạm tội một lần mà bị phạt đời đời, trong khi con người phạm tội được Chúa thương xuống thế cứu vớt, được tha không phải một mà nhiều lần, nên tìm cách ngăn trở không cho ta kết hiệp mật thiết với Chúa, hầu mong cám dỗ được ta, vì chúng biết rằng một khi chúng ta kết hiệp mật thiết với Chúa thì chúng chẳng làm gì chúng ta được.

Làm thế nào để chống trả? Chúng ta đã chiến đấu nhiều để gạt bỏ các chia trí đó đi, nhưng không thành công. Vậy xin đề nghị đổi chiến thuật: Cách hay nhất là làm theo chỉ dẫn của Phụng vụ, sống trong sự hiện diện của Chúa, tham dự cách ý thức, tích cực và sống động

vào cuộc cử hành, nhất là Thánh lễ, tập trung chú ý theo dõi các cử chỉ và lời đọc của chủ tế, thầm lặp lại các lời. Bằng cách đó, chúng ta vừa tránh được lo ra vừa tập luyện trước các cử hành sẽ làm sau này. Các ứng sinh quen quan sát và tập luyện như thế khi làm linh mục sẽ cử hành thánh lễ cách chắc chắn và thành thạo như đã làm linh mục lâu năm.

Ngoài ra, nỗ lực thực hành “*phương pháp gây ông đập lưng ông*” mà đối đầu giải quyết: Là lấy ngay điều làm chúng ta chia trí mà trình bày với Chúa, cầu nguyện với Ngài, xin Chúa biến đổi chúng ta và biến đổi người hay việc đang khiến chúng ta bận tâm chia trí, kết hợp với lời khuyên của thánh Phêrô: “*Trong khi cầu nguyện, anh chị em hãy trao trút nỗi lòng của anh chị em cho Chúa, vì Ngài hằng thương yêu chăm sóc anh chị em*”^[1] Như thế, điều trước đây làm chúng ta chia trí thì bây giờ lại trở thành cơ hội và phương thế cho chúng ta kết hiệp mật thiết với Chúa.

A. 3.2 Cảm thấy khô khan

Chúng ta là một con người toàn thể gồm linh hồn và thể xác. Nếu toàn thể con người chúng ta tập trung được cả tinh thần, ý chí và tình cảm trong khi cầu nguyện thì tốt đẹp biết bao. Nhưng nếu cảm thấy khô khan thì cũng đừng bỏ cầu nguyện, dù lý trí và tình cảm vắng mặt thì thể xác chúng ta cũng là chính chúng ta đang kiên trì ở trước tôn nhan Chúa, thờ lạy Chúa. Cứ kiên trì cầu nguyện bằng cách giải bày với Chúa sự khô khan của chúng ta, và như vậy sẽ không còn khô khan nữa, vì ta đang hầu chuyện với Chúa đầy thoải.

Ai cũng đã trải nghiệm đời sống cầu nguyện, cá nhân cũng như cộng đồng, trong niềm vui sốt sắng cũng như trong khô khan nguội lạnh, nên cần thanh luyện và sửa chữa cách cầu nguyện của mình. Hãy khiêm nhường chấp nhận những giới hạn yếu đuối và bất lực của con người. Nhiều vị đại thánh cũng phải trải qua những đêm tối của đức tin để được thanh tẩy trước khi bước vào giai đoạn nhiệm hiệp với Thiên Chúa. Chúa Giêsu dạy phải kiên trì cầu nguyện qua các dụ ngôn người bạn mượn bánh giữa đêm khuya, hay đàn bà góa với vị quan tòa ngạo ngược...

Ngài cũng đã khuyến cáo: “*Hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn để khỏi sa chước cám dỗ, vì tinh thần hằng hái nhưng xác thịt lại yếu đuối.*”^[2] Sự yếu đuối vốn là cái chung của thân phận con người, như thánh Phaolô thú nhận: “*Có ai trong anh chị em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối, có ai trong anh chị em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt*”^[3] và Ngài thúc giục “*Hãy cầu nguyện không ngừng*”^[4]

Thánh Ephrem nói cách ý vị: “*Bạn hãy thưởng thức món bạn ăn và đừng buồn vì bạn không ăn hết được. Kẻ khát thì vui khi được uống, và chẳng buồn vì không uống cạn được suối. Hãy để suối làm cho bạn đã khát, chứ đừng để cơn khát của bạn uống cạn suối; vì nếu bạn hết khát mà suối không cạn thì khi bạn lại khát, bạn có thể uống nữa; còn nếu như bạn hết khát mà suối cũng cạn luôn thì việc bạn uống cạn suối sẽ trở nên tai họa cho bạn. Hãy cảm tạ vì những gì bạn đã nhận được và đừng buồn vì phần còn lại quá nhiều. Cái bạn đã tìm và đã lãnh được là phần của bạn; ngoài ra cái còn lại là gia nghiệp sẽ được hưởng. Điều mà trong một giờ bạn không lãnh được vì yếu đuối thì bạn có thể lãnh nhận trong những giờ khác, nếu bạn kiên trì. Đừng vì tà ý mà cố uống một hơi cho cạn cái không thể uống cạn một hơi; cũng đừng vì ngu dốt mà không uống cái bạn chỉ có thể uống từ từ.*”^[5]

A.3.3 Nhu cầu công việc liên lỉ

Cần phân biệt cầu nguyện độc hữu (dành riêng cho việc cầu nguyện và chỉ việc cầu nguyện mà thôi) và cầu nguyện liên lỉ (vừa làm việc vừa cầu nguyện, hay cầu nguyện trong khi làm việc), nghĩa là biến công việc thành lời cầu nguyện. Thánh Phaolô khuyên: “*Dù ăn dù uống, hay làm bất cứ việc gì khác, anh em hãy làm cho sáng Danh Chúa.*” Nói một cách dễ hiểu là mời Chúa Giêsu cùng làm công việc kia với mình. Cách này phù hợp với linh đạo linh mục triều chúng ta, là chúng ta nên thánh bằng các thừa tác vụ mục vụ của mình.

Một cụ già chia sẻ với một cậu bé về đời sống cầu nguyện liên lỉ. Cậu bé cho rằng không thể vừa làm việc vừa cầu nguyện được. Cụ già mời cậu lên chiếc thuyền nan với hai mái chèo có ghi chữ CẦU NGUYỆN ở cái này và LÀM VIỆC ở cái kia. Cụ chỉ chèo với mái chèo “Làm Việc”. Con thuyền nan chòng chành và quay vòng. Cậu bé kêu chóng mặt... Cụ già liền đổi tay với lấy mái chèo “Cầu Nguyện” mà chèo. Con thuyền nan lại chòng chành và quay vòng.

Cậu bé kêu chóng mặt... Cụ đưa hai tay nắm lấy cả hai mái chèo và cả hai tay nhíp nhàng cùng chèo. Thuyền nan nhẹ nhàng lướt tới. Bấy giờ cậu mới hiểu ra và chấp nhận với cả khẩu phục và tâm phục việc cầu nguyện liên lỉ. Cầu nguyện liên lỉ đưa dẫn cuộc sống thiêng liêng của chúng ta như thế đó: *"Việc tay chúng con làm, xin Ngài củng cố, xin củng cố việc tay chúng con làm"*^[6]

Một điều quan trọng cần lưu ý: Tuy nhu cầu ông việc thúc bách, chúng ta phải để ra một thời gian tương xứng cho cầu nguyện độc hữu. Không thể chạy theo thị hiếu của người tham dự hay của chính mình mà cử hành phụng vụ với một tốc độ gấp gáp vội vàng như chớp, không có một giây phút nào cho suy tư, thì kết quả là làm suy yếu về mặt thiêng liêng và là một gương xấu. Một tình yêu mà cứ luôn được bày tỏ gấp gáp vội vàng, mắt cứ nhìn đồng hồ, là tình yêu sớm nguội lạnh và tan vỡ.^[7]

A.3.4 Không có thời giờ để cầu nguyện

Nhiều người than phiền không có đủ thời giờ để cầu nguyện. Để đối lại than phiền đó, có người viết câu chuyện hư cấu "GIỜ THỨ 25" ý nghĩa như sau: Một ngày kia, các Thiên Thần buồn sầu thưa với Thiên Chúa: *Nhân loại ngày nay hầu như đã quên hẳn việc cầu nguyện. Cố vấn của thiên quốc liền hỏi các Thiên Thần nguyên do tại sao. Các Thiên Thần lần lượt trình bày: Nhân loại biết họ thiếu sót trong vấn đề cầu nguyện và cũng thường hối tiếc về điều đó. Nhưng họ than là không có thời gian để cầu nguyện.*

Nghe vậy, cả triều thần thiên quốc lấy làm sửng sốt vì một ngày dài 24 tiếng đồng hồ mà vẫn còn thiếu sao! Họ đề nghị: *Để ngăn chặn sự xuống dốc này của nhân loại, chúng ta hãy suy nghĩ và tìm một giải pháp thích hợp.*

Thế là cả thiên quốc hăng say đưa ra các biện pháp làm sao giúp nhân loại tránh được đời sống quá tiện nghi, chạy theo vật chất, hãy trừng phạt thật nặng nề như lũ lụt, động đất, dịch bệnh, v.v... để họ hồi tỉnh lại mà cầu nguyện lo cho phần rỗi, như chính người Việt Nam thường nhận định: *"Hữu sự thì vái tứ phương, vô sự một đồng hương không mất!"*

Có một Thiên Thần lên tiếng: *Xin Thiên Chúa cho ngày dài thêm ra một tiếng đồng hồ nữa, xem họ còn than trách không có giờ cho việc cầu nguyện không?* Đề nghị này cả thiên quốc thấy hay, và Thiên Chúa đã cho ngày dài hơn một tiếng. Giờ thứ 25 này được gọi là "giờ của Chúa". Nhưng trái với sự chờ đợi, vẫn không có nhiều lời cầu nguyện hơn nơi loài người.

Các Thiên sứ lại được phái xuống trần gian để thăm dò tin tức. Sau thời gian rào bước khắp nơi, các Thiên Thần trở về thiên quốc để báo cáo về tình hình hiện nay của nhân loại. Một vị kể lại rằng các nhà kinh doanh than vì thay đổi giờ nên cả tổ chức phải đổi lại, gây ra tổn kém và cần giờ để ổn định lại. Còn các công đoàn tỏ ra hài lòng vì họ đã đòi hỏi từ lâu việc thêm giờ này để cho công nhân nghỉ ngơi. Các chính trị gia và các nhà trí thức bàn luận rất sôi nổi và kết luận: Không ai có quyền bắt buộc người công dân phải làm gì với một giờ nào đó. Một số người còn đi xa hơn phản đối là khi "ở trên" làm ra giờ 25 đã không hỏi ý kiến "ở dưới", vì vậy không chấp nhận được. Và cứ như thế, hầu như ai cũng có một lý do để giải thích vì sao không thể dùng một giờ có thêm để cầu nguyện.

Sau cùng có một Thiên Thần kể về một số người. Đó là những người đón nhận thời giờ được có thêm để tham dự thánh lễ, để phục vụ tha nhân và cầu nguyện. Họ cảm thấy dễ dàng hơn vì có thêm giờ. Nhưng các Thiên Sứ rất ngạc nhiên vì khám phá ra rằng những người này cũng chính là những người khi một ngày chỉ có 24 tiếng, họ vẫn có đủ thì giờ để cầu nguyện.

Thiên quốc nhận ra là thời gian không mang lại thêm người cầu nguyện. Việc cầu nguyện là tác động của tình yêu. Lý do con người không cầu nguyện không phải vì không có thời gian, nhưng là mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa bị lãng quên. Nếu có tình yêu thì dù không có giờ người ta cũng tìm ra giờ cho người mình thương mến. Và các Thiên Thần xin Thiên Chúa cho ngày trở lại bình thường: Một năm với 365 ngày và mỗi ngày có 24 giờ.

Mỗi người chúng ta bắt đầu làm tính cộng trừ nhân chia, xem mỗi ngày chúng ta dành thời gian cho đời sống cầu nguyện được bao nhiêu. Qua đó chúng ta biết được mối liên hệ tình yêu giữa chúng ta với Thiên Chúa như thế nào.

Lạy Chúa,

Bước ra đường con gặp không biết bao nhiêu người. Họ về, họ đến, họ đi, họ chạy. Xe hai bánh chạy. Xe bốn bánh chạy. Xe cam-nhông chạy. Cả thành phố chạy. Các con đường chạy. Tất cả mọi người chạy. Họ chạy để khỏi mất thì giờ. Họ chạy theo thời gian, để lấy lại thời giờ đã mất, để lợi nhiều thì giờ hơn. Hết mọi người đều bảo là không có thì giờ. Nhưng lạy Chúa, con có thời giờ. Con có thì giờ riêng của con. Tất cả thời giờ mà Chúa đã ban cho con, những năm tháng của đời sống con; những ngày của năm tháng con, những giờ của ngày sống con, tất cả đều thuộc về con. Con có phận sự phải dùng nó cho đầy đủ trong bình tĩnh và yên lặng. Dùng nó cho trọn vẹn, cho tới phút cuối cùng, để dâng lên cho Chúa hầu Chúa làm lợi cho kẻ khác. Chiều nay, lạy Chúa, con không xin Chúa ban cho con thêm thời giờ để làm sự này hay sự khác. Con chỉ xin Chúa cho con được ơn này là ơn biết dùng nên thời giờ Chúa ban cho con, để tận tình làm những việc mà Chúa muốn con làm. Amen.

Michel Quoist, Prières

[1] 1 Pr 5,7.

[2] Mc 14,38.

[3] 2 Cr 11,29.

[4] 1 Th 5,17.

[5] Trích bài chú giải của thánh Épreux trong Bài đọc 2 Kinh Sách Chúa Nhật Thường Niên VI.

[6] Tv 89,17.

[7] X. Phil Lawler trong CWNNews 30.07.2010, The 11-minute Mass and the Book of Kells: Một gương xấu (tôi nhận xét).

VỀ MỤC LỤC

ĐỊA VỊ CỦA NGƯỜI CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH

Tác phẩm: Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô - MỤC VỤ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tác giả: D. WAHRHEIT (Lm. Minh Anh, GP. Huế tổng hợp biên tập)

A17. ĐỊA VỊ CỦA NGƯỜI CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH

Một cảnh thư giãn mang tính giáo dục rất ý nghĩa được chiếu trên một đài truyền hình:

Giữa đêm khuya, từ phòng riêng, hai vợ chồng trẻ bị đánh thức vì tiếng khóc của đứa con đầu lòng ở phòng bên cạnh. Trong cơn ngái ngủ xem ra không ai muốn dậy để săn sóc con. Họ nhìn nhau mỉm cười rồi đưa tay đánh cá xem ai là người phải dậy để lo cho đứa bé. Không ai thắng cuộc. Thế là cả hai cùng ngồi dậy và cùng chạy sang phòng bên cạnh.

Sau đó có lời giải thích về phút thư giãn giáo dục như sau: “Nuôi con là một chia sẻ trách nhiệm”.

Mọi người đều hiểu, nuôi dạy con không phải chỉ là việc của người vợ, mà là trách nhiệm chung của cả hai vợ chồng.

Với câu chuyện giáo dục trên đây, chúng tôi xin gợi lên một vài suy nghĩ về địa vị của người chồng trong gia đình. Cần phải hiểu thế nào địa vị làm chủ gia đình của người chồng? Người chồng phải thể hiện quyền làm chủ ấy thế nào?

1. Từ cổ chí kim, từ đông sang tây, dường như đâu đâu cũng đều có một thoả thuận ngầm về vai trò chủ động của người chồng trong gia đình. Thánh Phaolô trong thư gửi giáo đoàn Côlôxê ở chương 3, cũng đồng một quan điểm. Ngài kêu gọi những người vợ phải phục tùng chồng cho phải phép.

Quả thực người đàn ông là chủ gia đình. Nhưng điều đó không có nghĩa là đàn ông cao trọng hơn đàn bà. Xét về phẩm giá con người, giữa đàn ông và đàn bà không hề có bất cứ một sự khác biệt nào về đẳng cấp. Sự khác biệt về thể lý không đương nhiên tạo ra bất bình đẳng giữa hai phái. Chiều cao của thân xác và sức mạnh của cơ bắp không bao giờ được xem là nền tảng của sự bất bình đẳng.

Người đàn ông và người đàn bà có những đặc điểm khác nhau, nhưng những đặc điểm đó không hề có một giá trị khác nhau. Xét như là những con người khác nhau, họ bổ túc cho nhau chứ không hề là kẻ trên, người dưới đối với nhau.

2. Kể từ Công Đồng Vaticanô II, cái nhìn của Giáo Hội về hôn nhân cũng thay đổi. Trước kia, hôn nhân được quan niệm như một thứ khế ước, trong đó, hai người phối ngẫu trao đổi quyền lợi cho nhau. Một quan niệm có tính cách luật pháp như thế, dĩ nhiên dễ đưa đến chỗ phân quyền và cạnh tranh. Người chồng luôn nghĩ tới những quyền lợi của mình đối với vợ.

Với Công Đồng Vaticanô II, hôn nhân được định nghĩa thiết yếu như một cộng đồng tình yêu mà hai người nam nữ, do giao ước hôn phối, cam kết xây dựng với nhau suốt đời. Định nghĩa này đã được Giáo luật mới của Giáo Hội lập lại trong số 1055 như sau: *"Do giao ước hôn phối, người nam và người nữ tạo nên với nhau một cuộc thông hiệp trọn cả cuộc sống"*.

Nói đến thông hiệp là nói đến tình yêu, mà nói đến tình yêu là không còn nói đến quyền lợi nữa. Tình yêu vợ chồng làm cho hai người bình đẳng với nhau đến độ không ai còn nại đến quyền lợi của mình đối với người khác. Nếu có một thứ quyền lợi mà cả hai phải nghĩ đến, thì đó là lợi ích của cộng đồng tình yêu mà họ đã cam kết xây dựng với nhau. Trong tình yêu hôn nhân, người ta có thể nói rằng, không còn có cái tôi với những quyền lợi riêng tư nữa. Hai người phối ngẫu sẽ không còn phải khẳng định: cái này của tôi, cái kia của ông, cái nọ của bà. Họ thuộc về nhau trọn vẹn, họ chia sẻ cho nhau tất cả mọi sự. Họ có chung một trách nhiệm.

3. Có những người đàn ông thích thể hiện quyền lợi của mình. Họ nại đến quyền làm chồng để cưỡng bách vợ phải vâng phục hầu hạ mình. Họ nại đến quyền làm chủ để đơn phương quyết định mọi việc trong nhà. Họ nại đến cả quyền làm đàn ông để hành hạ đàn bà. Khi người chồng chỉ suy nghĩ và hành động trong vòng quyền lợi của mình, thì dĩ nhiên, người vợ sẽ không còn là người bạn đường để cùng xây dựng cộng đồng tình yêu nữa mà có lẽ chỉ còn là người nội trợ không hơn không kém, một người giúp việc để cho người đàn ông sai khiến và sử dụng vào những mục tiêu riêng của mình. Cư xử như thế không phải là thể hiện tư cách làm chủ trong gia đình.

Thánh Phaolô, trong thư gửi giáo đoàn Côlôxê, sau khi đã nhắc nhở cho người chồng địa vị làm chủ trong gia đình đã khuyên nhủ như sau: *"Hỡi những người chồng, hãy yêu thương vợ mình, đừng đay nghiến vợ"*. Như vậy, với thánh Phaolô, chỉ có một cách thể duy nhất để người chồng thể hiện quyền làm chủ của họ trong gia đình, là yêu thương.

4. Tạp chí "Thành Công" của Italia đã làm một cuộc thăm dò với các nữ độc giả về điều

mà họ chờ đợi nơi người đàn ông. Một độc giả đã trả lời như sau: *"Người đàn ông sẽ trở thành kỳ diệu khi họ siết chặt ta trong vòng tay âu yếm và làm cho ta cảm thấy nhỏ bé trong họ. Trái lại, họ sẽ trở nên ngu xuẩn khi họ muốn ta phải nhỏ bé lại trước mặt họ".*

Nhận xét trên đây thật chí lý. Người chồng chỉ thể hiện được uy quyền của mình bằng tình yêu chứ không bằng vũ lực hay bất cứ sự cưỡng bức và đe dọa nào.

Người đàn bà tự bản chất luôn cần có sự che chở của người đàn ông. Do đó, đức tính mà người đàn bà đánh giá cao nhất nơi đàn ông, trước hết phải là sự can đảm. Can đảm ở đây không hẳn là phải thể hiện những hành động phi thường, mà chính là biết bình tĩnh để ứng phó và đối đầu với những khó khăn của cuộc sống.

Chính sự cứng rắn và ý chí vững mạnh của người đàn ông sẽ mang lại an ninh cho người đàn bà. Sự can đảm nơi người đàn ông còn được thể hiện bằng chính sự chịu đựng, kiên nhẫn nữa. Sự cứng rắn của người đàn ông phải là một sự cứng rắn đầy yêu thương và dịu dàng. Sức mạnh nơi người đàn ông phải là sức mạnh của sự tế nhị. Nam tính của người đàn ông phải là nam tính của yêu thương và âu yếm.

5. Người chồng phải luôn nhớ mình là chủ gia đình. Nhưng địa vị làm chủ ấy họ chỉ có thể thực hiện như lời căn dặn của Chúa Giêsu: *"Ai trong các con muốn làm lớn, hãy làm đầy tớ mọi người"*. Đó là nghịch lý của Kitô giáo và cũng là khuôn vàng thước ngọc cho người chồng. Người chồng không thể hiện tư cách làm chủ bằng cách đòi hỏi vợ phải tôn trọng những quyền lợi riêng tư của mình, mà chính là bằng phục vụ và phục vụ trong yêu thương, nhẫn nại, cảm thông và tha thứ.

Lời của thánh Phaolô cần phải được người chồng đem ra thực hành để sống đúng tư cách làm chủ gia đình mình: *"Anh em hãy mặc lấy tâm tình từ bi, nhân hậu, khiêm cung, ôn hoà, nhẫn nại, chịu đựng lẫn nhau, và hãy tha thứ cho nhau nếu người này có chuyện oán trách người kia. Như Chúa đã tha thứ cho anh em, anh em cũng hãy tha thứ cho nhau. Và trên hết mọi sự, anh em hãy có đức yêu thương. Đó là giây ràng buộc điều toàn thiện"*.

VỀ MỤC LỤC

HẠT NGĂN HẠT DÀI, ĐỎ HAY TRẮNG

Nhân dịp phóng viên Ngy Thanh viết về lúa gạo trong bài "Đố Ai Biết Lúa Mấy Cây", xin tìm hiểu xem nên ăn gạo gì khi hữu sự. Vì bà con mình thường rỉ tai nhau là ăn gạo này, tránh gạo kia nếu bị bệnh Tiểu Đường hoặc dư kí.

Cơm gạo là món ăn vừa căn bản, sẵn có và ưa thích của bà con ta, nhưng, theo một số nhà dinh dưỡng, nếu không để ý thì một vài loại gạo có thể tăng đường huyết tới mức độ đáng ngại.

Lúa gạo nằm trong nhóm Carbohydrat (còn gọi là Saccharid), một trong ba loại thực phẩm chính của con người. Đó là Carbohydrat, chất đạm protein và chất béo lipid.

Carbohydrat cần thiết để duy trì một cơ thể lành mạnh đặc biệt là những tế bào não bộ.

Để hoạt động hữu hiệu, tế bào não cần rất nhiều năng lượng mà nguồn cung cấp duy nhất là từ glucose, một thành phần cấu tạo của carbohydrat. Vì thế, khi không tiêu thụ đầy đủ glucose, cơ thể sẽ mệt mỏi, chóng mặt, kém phối hợp, kém tập trung, tâm trạng trở nên bất an, lo lắng. Lý do là không được tiếp tế glucose, não sẽ rút các chất này từ kho dự trữ ở gan và cơ bắp hoặc tổng hợp glucose từ các thực phẩm không có carbohydrat như chất béo. Mà kho thì không nhiều, mau hết đưa tới hậu quả xấu cho sức khỏe.

Carbohydrat gồm có đường (sugar), tinh bột (Starch) và cellulose và được chia làm nhiều loại:

a. Saccharit đơn có một đơn vị đường như:

- glucose còn gọi là đường bắp hoặc đường dextrose nhỏ;
- fructose là đường ngọt nhất, có trong trái cây, rau, mật hoa và
- galactose không có trong thiên nhiên mà do cơ thể tiêu hóa đường lactose trong sữa mà ra.

Glucose là dạng carbohydrate lưu hành trong máu và trực tiếp cung cấp năng lượng cho tế bào cơ thể.

b. Saccharit đôi có 2 đơn vị đường:

- sucrose ngọt nhất trong số các carbohydrate, gồm có glucose và fructose, và được lấy ra từ mía và củ cải;
- lactose là đường chỉ có trong sữa gồm một phân tử glucose và galactose. Nhiều dân châu Á và châu Phi không dung nạp được lactose vì không có men tiêu hóa lactase. Mỗi khi uống sữa tươi là họ bị tiêu chảy.
- Mannose là đường mà nhiều người cho là có thể giảm rủi ro mắc bệnh nhiễm trùng đường tiểu tiện và
- Maltose hoặc đường mạch nha có trong mầm lúa mạch, được dùng trong việc làm bia, rượu whisky.

Đường đơn và đôi có nhiều điểm tương đồng như: cùng hòa tan trong nước, cùng ngọt, kết tinh và cùng gọi là đường vì có tiếp ngữ "ose" nghĩa là đường.

c. Đa Saccharit như cellulose, tinh bột và glycogen.

- Tinh bột là thành phần chính của chế độ ăn uống và là dạng tồn trữ carbohydrate trong nhiều thực vật.

Tinh bột do nhiều đơn vị glucose liên kết và có hai thành phần chính là α -amylose và amylopectin. Tỷ lệ 2 phân tử này cao thấp tùy theo loại carbohydrate. Theo các nhà nghiên cứu thực phẩm có nhiều amylose được tiêu hóa và hấp thụ chậm. Tinh bột được tiêu hóa bằng men amylase.

- Cellulose gồm nhiều đơn vị đường glucose kết hợp và là thành phần cấu tạo quan trọng ở vách cứng của tế bào thực vật. Tuy con người không tiêu hóa được nhưng cellulose có nhiều vai trò quan trọng đối với sức khỏe. Trâu, bò, ngựa, dê có thể tiêu hóa cellulose nhờ có các vi khuẩn cộng sinh ở dạ dày.

- Glycogen là dạng dự trữ của glucose trong gan và cơ bắp của người và các động vật, tương tự như tinh bột ở thực vật.

Chỉ Số Đường Huyết

Từ hơn ba thập niên vừa qua, các nhà nghiên cứu đã tìm ra một vai trò quan trọng khác của thực phẩm carbohydrate đối với sức khỏe con người. Đó là khái niệm Chỉ Số Đường Huyết (Glycemic Index) của mỗi loại thực phẩm chứa carbohydrate. Thực phẩm gốc động vật như thịt cá có lượng carbohydrate không đáng kể, không ảnh hưởng tới đường huyết cho nên không có CSĐH..

Chỉ Số Đường Huyết (CSĐH) là mức nhanh/ chậm của Carbohydrat trong một loại thực phẩm có thể ảnh hưởng tới đường huyết sau bữa ăn từ 2-3 giờ đồng thời cũng kích thích tuyến tụy sản xuất insulin. Mỗi loại thực phẩm có **tốc độ** khác nhau để chuyển thành glucose trong máu. *Thực phẩm chuyển hóa mau tăng đường huyết nhanh có CSĐH cao hơn đồng loại phân hóa chậm, nâng đường huyết từ từ, có CSĐH thấp.*

Chỉ số được xếp hạng từ 0 tới 100 tùy theo thực phẩm đó tăng đường huyết nhiều hoặc ít. 100 là CSĐH của đường glucose được nhiều nhà nghiên cứu dùng làm mốc để so sánh. Glucose xuất hiện trong máu ngay sau khi tiêu thụ. *Chỉ số này diễn tả phẩm chất (quality)*

của carbohydrate trong món ăn chứ không phải số lượng (quantity) Carbohydrat trong món ăn.

Chẳng hạn CSDH của gạo Jasmine Thái Lan là 109 thì gạo Ấn độ Basmati thấp hơn, 58. Như vậy gạo Thái lan nâng đường huyết nhanh, cao hơn gạo Ấn độ.

Khái niệm CSDH được khởi xướng ở Canada, rất phổ biến ở Úc rồi lan sang Âu châu và Hoa Kỳ. Khái niệm này được cho là có vai trò đáng để ý đối với bệnh nhân tiểu đường, vận động viên và người mập phì vì sẽ giúp họ lựa chọn thực phẩm carbohydrate thích hợp với hiện trạng.

Theo các nhà nghiên cứu, liên tục tiêu thụ thực phẩm Carbohydrat có CS ĐH cao sẽ đưa tới một số hậu quả:

- Insulin cao sẽ báo hiệu cho gan hay là năng lượng cần thiết cho cơ thể đã có đủ, không cần lấy năng lượng từ kho dự trữ chất béo.

- Đường glucose trong máu cao không dùng hết sẽ được chuyển sang chất béo để dự trữ.

Và hậu quả là sẽ lên cân.

Ngoài ra, tuyến tụy liên tục sản xuất insulin vì đường huyết cao sẽ khiến cho cơ thể quen với hormon này cũng như tuyến tụy suy vì làm việc quá sức. Hậu quả là insulin ngày một ít và trở nên kém hiệu nghiệm trong việc đưa glucose vào tế bào và hậu quả là có nguy cơ bị bệnh tiểu đường, mập phì, bệnh tim.

Ngược lại, dùng thực phẩm có CS ĐH thấp có thể giảm rủi ro tiểu đường loại 2, bệnh tim, giảm rủi ro mập phì

Mức độ CSDH

Thấp: bằng hoặc dưới 50

Trung bình: từ 55-70

Cao: bằng hoặc trên 70.

Những yếu tố ảnh hưởng tới CSDH

Nhiều yếu ảnh hưởng tới CS ĐH:

- Cấu trúc của của thực phẩm chứa Carbohydrat: nhiều amylose, thực phẩm chậm tiêu hóa vì các vòng glucose gắn bó với nhau, sẽ có CS ĐH thấp. Ngược lại nhiều amylopectin có CS ĐH cao vì các vòng glucose lỏng lẻo, dễ tiêu hóa, mau đưa vào máu.

- Thực phẩm được làm tinh khiết (refined) quá kỹ không còn lớp cám hoặc thực phẩm đã được chế biến (processed) có CS ĐH cao hơn thực phẩm thô sơ.

- Thực phẩm đã được nghiền vụn, xối, mỏng, các dạng Carbohydrat bột đều dễ tiêu hóa và có CS ĐH cao. Ngược lại thực phẩm nguyên dạng nhiều hạt có CS ĐH thấp.

- Thực phẩm do nấu chín lâu có CS ĐH cao vì thức ăn đã biến dạng, dễ dàng chuyển hóa ra glucose, sẵn sàng vào máu.

- Sự hiện diện các chất khác trong thực phẩm: chất béo, chất đạm, chất chua làm chậm sự tiêu hóa tinh bột sẽ giảm ảnh hưởng của carbohydrate lên đường huyết.

- Tốc độ chuyển hóa của thực phẩm: chuyển hóa mau sẽ có CS ĐH cao hơn.

- Trái cây chín mùi có CS ĐH cao hơn trái cây còn xanh vì carbohydrate đã được chuyển ra đường.

Sau đây là chỉ số đường huyết của một số thực phẩm:

CS ĐH cao	CS ĐH Trung Bình	CS ĐH Thấp
-----------	------------------	------------

Đường Maltose (Bia)	Bánh làm bằng lúa mạch	Cháo yến mạch đặc
Củ cải nấu chín	Ngũ cốc hạt quả khô ăn sáng	Mì ống, mì sợi
Cà rốt nấu chín	Gạo lức Brown rice	Khoai lang
Gạo trắng	Củ cải đường nấu chín	Hạt đậu khô
Bánh kẹo	Đậu Hà Lan	Táo
Khoai tây nướng	Khoai tây luộc	Lê
Hạt ngũ cốc khô	Bánh bằng lúa mì	Sữa nguyên vẹn
Bánh mì cứng hình vòng Bagels	Ngô	Đậu hình thận
Bánh bột trắng	Nho	Đậu lentils
Mảnh bắp chiên Corn chips	Nước cam vắt	Đậu Nành
Măng cầu	Bánh kẹo yến mạch	Trái cây nhiều nước như dưa hấu
Chuối chín cây	Mỳ, bún trắng	Nước táo
Đu đủ	Kiêu mạch Buckwheat	Đậu đen
Bánh làm bằng hạt gạo	Đậu pinto	Rau màu xanh

- Rượu có rất ít Carbohydrat đặc biệt là rượu vang và whisky hầu như không có; bia có khoảng 3-4 gr/100ml. Uống nhiều thì bia có thể ảnh hưởng đến đường huyết.

- Bún, mì sợi có CS ĐH thấp (30-60) vì có cấu trúc đặc biệt với tinh bột nằm trong mạng lưới đậm chất gluten khiến cho bún, mì chậm tiêu hóa.

- Đa số các loại rau có ít Carbohydrat vì thế CS ĐH thấp ngoại trừ quả bơ avocado, ngô, bí ngô, củ cải đỏ có chỉ số cao hơn, nhưng đều là thực phẩm dinh dưỡng tốt vì có nhiều chất xơ và chất dinh dưỡng.

- Thường thường nước uống trên thị trường, đặc biệt là nước thể thao, đều có nhiều đường để cung cấp năng lượng cho nhu cầu vận động cho nên đều có CS ĐH cao.

- Thịt, cá, trứng hầu như không có Carbohydrat cho nên không thử nghiệm được theo tiêu chuẩn của thực phẩm có Carbohydrat. Khi tiêu thụ riêng rẽ, các thực phẩm này không có ảnh hưởng gì tới đường huyết.

Bây giờ xin đề cập tới lúa gạo.

Gạo mà bà con ta thường dùng là gạo tẻ và gạo nếp.

Trên thị trường, gạo được phân chia tùy theo hình dáng và độ dài ngắn cũng như màu sắc của hạt gạo:

a. Theo màu sắc

- Gạo nâu (Brown rice) mà ta thường gọi là gạo lức, gạo đỏ là gạo mà vỏ cám và nhân gạo vẫn còn. Thực ra màu có thể thay đổi từ vàng nhạt tới đỏ hoặc đen tía. Cám và nhân

chứa nhiều chất xơ, chất dinh dưỡng như vitamin nhóm B, kẽm, sắt và một ít chất béo. Vì có chất béo cho nên gạo cần cất giữ nơi nhiệt độ lạnh để tránh ôi mùi dầu và dùng trong 6 tháng.

Gạo còn cảm nẫu lâu và cơm gạo lúc cần nhai lâu hơn gạo trắng. Ngày xưa, gạo đỏ vẫn được gán cho là gạo của con nhà nghèo, thiếu tiền mua thợ xay giã gạo cho trắng, như người giàu tiền của.

- Gạo trắng với lớp vỏ cám và nhân đã mất đi sau khi xay giã chà xát và có rất ít chất dinh dưỡng. Gạo được bổ xung với vitamin, khoáng chất. Không có chất béo, gạo cất giữ được lâu hơn.

Nấu cơm gạo trắng mau hơn, hạt mềm dễ nhai dễ nuốt hợp với nếp sống thanh cảnh của con nhà giàu, "gạo trắng, nước trong."

b. Theo hình dáng

Sau khi xay giã, chạy máy, hạt gạo có thể là:

- Hạt dài. Chiều dài của hạt gạo gấp 3 chiều ngang, sau khi nấu cơm rời rạc, xốp. Gạo hạt dài còn rất ít chất xơ và chất dinh dưỡng do đó gạo bán trên thị trường đều được tăng cường khoáng sắt, các sinh tố B.

- Hạt trung bình chiều dài gấp đôi chiều ngang; khi nấu cơm mềm, ẩm, dính với nhau.

- Hạt ngắn bụ bẫm hơn với chiều dài nhỉnh hơn chiều ngang một chút, được dùng nhiều trong món ăn shushi của Nhật cho nên còn gọi là gạo shushi.

Gạo nếp không có amylose cho nên CS ĐH cao nhất.

Chỉ Số Đường Huyết của gạo:

- Uncle Ben's Converted Rice.....44
- Gạo Ấn Độ Basmati 58
- Gạo lứt (Brown Rice)..... 55
- Gạo trắng, hạt dài..... 56
- Gạo trắng hạt ngắn 72
- Gạo Jasmine 109

Jasmine là gạo truyền thống lâu đời của Thái Lan với một hương thơm phảng phất của hoa hồng rất đặc biệt và hạt gạo lại trắng, trong, mịn, ăn ngon miệng.

Từ thập niên 1990, Hoa Kỳ đã thành công tạo ra nhiều loại gạo lai giống như gạo Jasmati lai giống từ Jasmine Thái Lan và Basmati Ấn Độ; gạo vô cơ Texmati từ gạo Mỹ hạt dài với gạo Ấn Độ Basmati và mới đây Zazzmen Rice ở miền nam Louisiana, nơi phát xuất điệu nhạc đam-mê gần-gũi JAZZ, từ lúa Toro và giống lúa khác của Trung Hoa.

Jasmati và Zazzmen đang cạnh tranh ráo riết với Jasmine trên thị trường Hoa Kỳ.

Kết luận

Thực phẩm chứa Carbohydrat vẫn là món ăn chính của phần ăn. Mỗi ngày nên tiêu thụ 65% tổng số năng lượng với thực phẩm có Carbohydrat, khoảng 225-275 gr mỗi ngày hoặc hai ba lưng chén cơm. Đồng thời ăn uống đều đặn, đầy đủ; giảm chất béo động vật; tăng chất xơ; giới hạn muối, đường, uống nhiều nước để có sức khỏe.

Khái niệm chỉ số đường huyết khá mới mẻ, còn nhiều tranh luận cho nên chưa được sự đồng ý áp dụng của các nhà nghiên cứu.

Một số nhà nghiên cứu đề nghị là người bị tiểu đường hoặc muốn giảm cân nên tiêu thụ thực phẩm có CS ĐH trung bình hoặc thấp để duy trì đường huyết bình thường.

Hội Tiểu Đường Hoa Kỳ chưa đề nghị mang khái niệm này vào việc điều trị và phòng ngừa bệnh tiểu đường vì kết quả nghiên cứu cho hay không có ảnh hưởng đáng kể lên mức độ HbA1c hoặc insulin.

Và lại với người dân, khó mà lựa được một chế độ dinh dưỡng căn cứ vào CS ĐH, vì thực phẩm trên thị trường chưa đồng loạt ghi CS ĐH của món hàng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D. Texas-Hoa Kỳ.

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

NGŨ NGÔN THỜI BẮN LOẠN (KỲ 16)

Ngũ ngôn 51

Cọp và sư tử chuyên rình mò bắt những chú thỏ non tơ làm mồi nhâm nhi. Thói quen tàn ác đó khiến cho các loài thỏ có nguy cơ bị tiêu diệt. Thỏ phải trốn chui trốn nhủi trong hang.

Chim phượng hoàng không chịu nổi cảnh nhiều nhường ấy nên quyết định cáo chúa sơn lâm: "Các ông còn bắt thỏ, tôi mồi mắt các ông". Nói rồi phượng hoàng bay sà xuống mổ thật nhanh để thị uy. Cọp và sư tử đều bay mất một vật lông ngay mắt.

Cọp và sư tử sợ hãi nên viết lên lá rừng là chúng hứa từ nay không đàn áp thỏ nữa. Được ít lâu chúng lại say máu nên rình mò hại thỏ, số thỏ bị vỗ lên đến hàng trăm con. Chim phượng hoàng nghe vậy nên xé gió bay về. Đến nơi, chim phượng hoàng hỏi ngay con thỏ trực nhật: "Nghe nói bọn cọp và sư tử lại hại dân người à?" Con thỏ ấy cười xòa: "Làm gì có, chuyện ấy xưa rồi. Bây giờ đi rừng thoải mái".

Chim phượng hoàng vừa bay đi, con thỏ nhỏ lấm lét chạy đến gặp chúa sơn lâm uống ké chén rượu và cười buồn.

Ngũ ngôn 52

Loài quạ và cú vọ bị chim bồ câu tố cáo tội đi ăn trộm ban đêm và xỏ xiên chuyện đời. Quạ và cú giận bồ câu lắm nhưng không làm gì được. Chúng bèn nghĩ kế hại bồ câu. Quạ và cú lén ăn cắp lông chim câu rồi mỗi khi đi ăn trộm hay làm điều xấu thì rắc một ít lông chim câu.

Lâu ngày các loài thú nhìn bồ câu với đôi mắt không mấy thiện cảm. Bồ câu biết nhưng không nói gì. Đến độ xuân phân, tất cả loài bồ câu đều nhuộm lông đen, miệng ngậm cành ô liu bay khắp nơi báo hiệu xuân hòa bình. Muông thú chợt hiểu ra rằng bộ lông không nói lên tất cả, huống chi là vài chiếc lông rơi vãi.

Ngậm cành ô liu hẳn là chim câu, trộm cắp hẳn là cú và quạ mà thôi.

Ngũ ngôn 53

Mùa đông, các lũy tre rậm rạp tranh cãi ai sẽ được chặt đem về làm cây nêu ngày Tết. Anh tre nào cũng háo hức muốn đi. Này nhé, có bánh chưng xanh, có dưa hấu đỏ, có mứt gừng vàng, còn được ngắm những bao lì xì sung túc. Lúc ai nấy đang háo hức thì một chú tre cao và đẹp bỗng nói: "Tớ chẳng muốn đi. Đứng được mấy ngày rồi cũng bị quăng đi thôi".

Các cây tre khác nháo nhào phản đối: "Gàn. Dở hơi. Không thực tế". Chú tre cao và đẹp ấy không nói gì, lặng lẽ cụp lá và oằn mình xuống để khỏi bị ai chú ý. Các bạn cùng lứa lần lượt bị chặt đem đi, còn lại chú tre với những lớp măng...

Mấy ngày Xuân qua đi, những cây nêu Tết bị gom lại làm việc khác, nằm buồn hiu nơi xó vườn. Chú tre không ham vui của chúng ta lại vui đùa cùng gió Xuân.

Gioan Lê Quang Vinh

www.giaoducconggiao.net

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loại nguoi va cho loại nguoi; C
